

SỐ 1788

KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH SỞ

Tam Tạng Pháp Sư Nghĩa Tịnh đời Đường vâng chiếu dịch
Sa-môn Tuệ Chiếu soạn

QUYỂN 4 (Phần 2)

Phẩm 6: TỊNH ĐỊA ĐÀ-LA-NI

Phẩm Tối Tịnh Địa Đà-la-ni chia ra ba phần:

1. Nói về lý do có phẩm này

Mong muốn cầu đạo Bồ-đề thì phải tu hành. Tu hành có hai, tức là dứt ác và làm lành. Các phần sám hối trước đây đã nói về dứt ác, tiếp theo nói về làm lành. Về phát tâm tu hành trong làm lành, phát tâm tức là phát tâm Bồ-đề, nghĩa là cần phải nương vào an trụ nơi đại tâm Bồ-đề, thực hành các hạnh lành mới có thể đạt được quả. Hạnh tu hành chính là mười độ. Nhờ vào mười độ này có công năng đạt được các Địa, có công năng phá trừ các chướng của mười độ như phá san, đạt được năm phần pháp thân, thành tựu hai thắng quả. Vì vậy cần phải trình bày về phát tâm tu hành này, cho nên sau phẩm trước có phần này phát sinh.

2. Giải thích tên gọi

Trong luận Thành Duy thức chép: “Thâu tóm toàn bộ công đức hữu vi, vô vi để làm tự tánh, cùng với những sự tu hành làm nơi nương cậy, giữ gìn tốt đẹp, khiến cho được lớn lên, nên gọi là Địa.” Trong Địa trì, Nhiếp luận, Du-già, Trang nghiêm giải thích đều giống nhau. Tịnh

nghĩa là thanh tịnh, vì lia hai chướng. Nhưng kinh Đại Thừa Đồng Tánh và kinh Chứng Khế Đại Thừa nói ba thừa ấy mỗi thừa đều có mười địa, mười địa Bồ-tát có công năng phá trừ hai chướng. Vô cùng thanh tịnh gọi là tối, tức là nơi rất thanh tịnh, là y chủ thích. Tịnh thuộc về năng y, Địa là sở y, đều là biệt sở y. Hoặc thể của mười địa chính là lấy công đức vô vi làm Thể, tức là Thể của công đức này lia hai chướng gọi là Tối tịnh. Tối tịnh tức là địa tên Tối tịnh địa, thuộc về trì nghiệp thích. Đà-la-ni như trước đã giải thích. Từ Tịnh địa này đạt được Đà-la-ni này. Ở Đà-la-ni này có khả năng làm thanh tịnh địa này, đều thuộc y chủ thích, không trái nhau. Bởi vì Đà-la-ni làm cho lia xa năm chướng nên được gọi là Tịnh địa, nếu lấy mười độ v.v... thì chỉ gọi là Tối tịnh địa, nếu lấy Đà-la-ni thì gọi là Tối tịnh địa Đà-la-ni.

3. Giải thích chướng ngại.

Hỏi: Luận biện trung biên và Nhiếp luận... đều nói “Nương theo thập địa thực hành thập hạnh, dứt trừ mười chướng, chứng đạt mười như”, vì sao trong này không phân biệt rõ mười như?

Đáp: Bởi vì tóm lược, mở rộng khác nhau.

Hỏi: Các kinh luận khác nói về mười độ, sáu độ đầu đều có ba, bốn độ sau đều có hai, vì sao mười Ba-la-mật ở kinh này đều có năm thứ?

Đáp: Trong mỗi hạnh đều có nhiều môn, trong các Thánh giáo chỉ nói sơ lược, cho nên không nhất định như nhau.

Văn kinh: **Bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử Tướng Vô Ngại Quang Diễm cùng vô lượng ức chúng.**

Tán rằng: Toàn văn trong phẩm này chia làm bốn phần:

1. Vô ngại quang thừa hỏi.
2. Như lai trả lời.
3. Đại Phạm tán dương.
4. Thời chúng được lợi ích.

- Phần thừa hỏi phân chia làm ba: Đầu tiên là người năng thỉnh, tiếp theo là nghi thức thỉnh pháp, sau cùng chính là nói rõ sự thỉnh cầu. Phần đầu là người năng thỉnh. Có khả năng được bốn vô úy của Bồ-tát cho nên gọi là Sư tử tướng, lia chướng nên gọi là Vô ngại, đạt được trí tự tại, thường soi tỏ chân tục nên gọi là Quang diễm, đây là thuận theo dụ và pháp để gọi tên.

Văn kinh: **Đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chắp tay cung kính dâng lễ dưới chân Phật, dâng các loại hoa hương, cờ báu, phướn lọng lên cúng dường Phật.**

Tán rằng: Nghi tắc thỉnh pháp, đầu tiên là do chân thành cung kính, sau đó sắp bày cúng dường. Cúng dường có nhiều cách, như trước đã nói. Ở đây bắt đầu từ cung kính cúng dường biểu thị cho hỷ nhân tâm Bồ-đề như hoa, biểu thị cho sự thành tựu năm phần pháp thân như hương, biểu thị cho đại trí vượt khỏi Nhị thừa như cột cờ, biểu thị bốn Đà-la-ni như phướn, biểu thị che kín chúng sinh ở đây như tàn lọng, vì vậy dùng các thứ hoa, hương... để cúng dường.

Văn kinh: **Bạch với Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Dùng bao nhiêu nhân duyên để đạt được tâm Bồ-đề?**

Tán rằng: Chính thức nói rõ sự thỉnh cầu. Đầu tiên hỏi về nhân của tâm Bồ-đề, tiếp theo hỏi về thể của tâm Bồ-đề. Đây là mở đầu.

Văn kinh: **Thế nào là tâm Bồ-đề?**

Tán rằng: Hỏi về Thể. Đầu tiên nêu câu hỏi, tiếp theo hỏi riêng, sau cùng kết luận. Đây là đầu tiên nêu câu hỏi. Cần phải nói là “Thế nào là Bồ-đề, sao gọi là tâm Bồ-đề?” Trước tiên Bồ-đề là chân lý, tâm là hai trí sáu độ.

Văn kinh: **Bạch Đức Thế Tôn! Ngay nơi Bồ-đề, tâm hiện tại không thật có được, tâm vị lai không thật có, tâm quá khứ không thật có.**

Tiếp theo là hỏi riêng. Đầu tiên là dựa vào pháp Không để hỏi, tiếp đó dựa vào sinh không để hỏi. Trong phần đầu có ba: Trước tiên ngay nơi Bồ-đề mà hỏi, tiếp đó là Bồ-đề mà hỏi, sau cuối kết luận vì sao. Nếu ngay nơi Bồ-đề mà Bồ-đề lia ba đời cho nên tâm ba đời đều không thật có.

Văn kinh: **Lìa bỏ Bồ-đề thì tâm Bồ-đề cũng không thật có.**

Tiếp theo là hỏi về tâm khi kia Bồ-đề. Không có một pháp nào có thể lìa bỏ chân như, cho nên lìa chân như tâm cũng không thật có.

Văn kinh: **Bồ-đề đó không thể nói năng, tâm cũng không có sắc, không có tướng, không có sự nghiệp, không có thể tạo tác.**

Ở dưới là kết luận vì sao. Chân lý thì đường ngữ ngôn bất tâm hành diệt, cho nên không thể nói năng. Tâm không có sắc tướng, giống như hư huyền, sự nghiệp không có thực thể, không thể tạo tác. Ý này giống như trong luận Văn-thù Sở Vấn phát Bồ-đề tâm kinh: “Bồ-đề là không thể dùng thân đạt được, không thể dùng tâm đạt được.” Thân giả tạm, tâm hư huyền cho nên rộng như luận kia giải thích, ở đây chỉ hỏi về tâm.

Văn kinh: **Chúng sinh cũng không thật có, cũng không thể biết.**

Tiếp theo là dựa vào sinh không để hỏi: Chúng sinh nghĩa là ngã (thực thể), thể của là vô, nhưng giả hòa hợp giống như sự việc hư huyền,

không thực sự có thể đạt được, có thể biết được.

Văn kinh: ***Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa sâu xa của các pháp làm thế nào mà có thể đạt được, biết được?***

Tiếp theo phần thứ ba kết thúc hỏi rằng: Vì sao các Bồ-đề và tâm pháp đều không thể nói năng, mà có phát tâm Bồ-đề mới đạt được, nghĩa sâu xa này làm sao có thể đạt được, biết được?

Văn kinh: ***Đức Phật dạy: Này người thiện nam! Đúng vậy, đúng vậy! Bồ-đề nhiệm mầu, sự nghiệp tạo tác đều không thật có. Nếu lìa Bồ-đề thì tâm Bồ-đề cũng không thật có. Bồ-đề không thể nói năng, tâm cũng không thể nói năng, không có sắc tướng không có sự nghiệp, tất cả chúng sinh cũng không thật có.***

Tán rằng: Tiếp theo là trả lời có hai: Đầu tiên trả lời câu hỏi thứ hai, sau đó “Này người thiện nam giống như núi chúa Tu-di...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ nhất. Trong phần trả lời câu hỏi sau: Đầu tiên ấn chứng trả lời, sau đó giải thích trả lời. Trong ấn chứng trả lời: Đầu tiên ấn chứng, tiếp đó nêu câu hỏi, sau cùng giải thích. Đây là mở đầu.

Văn kinh: ***Vì sao? Vì Bồ-đề và tâm cùng là chân như cho nên năng chứng và sở chứng đều bình đẳng.***

Tiếp theo là nêu câu hỏi và giải thích. Nêu câu hỏi thì có thể biết. Trong phần giải thích, đầu tiên giải thích lý do không thật có, không thể nói năng, bởi vì nghĩa Bồ-đề và tâm Bồ-đề đồng nương chân như không thể nói được, lìa chấp đắm.

Văn kinh: ***Tất cả các pháp có thể hiểu biết rõ ràng.***

Tiếp theo sau giải thích phát tâm đạt được nghĩa sâu xa đối với Bồ-đề, chỉ trừ bệnh đó, thấy đều là pháp.

Văn kinh: ***Này người thiện nam! Đại Bồ-tát biết như vậy mới được gọi là thông suốt các pháp, khéo léo giảng nói Bồ-đề và tâm Bồ-đề.***

Tán rằng: Phần dưới giải thích trả lời có hai: Đầu là nêu ra, kế đến là giải thích. Đây là nêu ra. Đầu tiên là Bồ-đề, giải thích thể của Bồ-đề là sở chứng, tâm Bồ-đề là năng chứng.

Văn kinh: ***Tâm Bồ-đề chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, tâm cũng như vậy, chúng sinh cũng như vậy, trong cả hai tướng đều không thật có.***

Ở dưới là giải thích. Đầu tiên không thể nói năng, sau do không thật có cho nên ở dưới là giải thích nghĩa sâu xa, vì sao biết được. trong phần đầu có ba: Trước tiên giải thích, tiếp đến nêu câu hỏi, sau cuối là chung. Đây là phần giải thích. Đầu tiên nói về thể chân như Bồ-đề trong

ba đời, tiếp đến là tâm cũng năng chứng như vậy. Trước nói tâm là tâm Đệ nhất nghĩa, sau nói tâm là tâm duyên. Chúng sinh cũng như thế, nói về nhân không, hai tướng đều không thật có. Kết hợp mà nói thì cả hai ngã đều không thật có, giống như văn kinh-thù Vấn Bồ-đề tâm y theo biến kế.

Văn kinh: *Vì sao? Tiếp đến là nêu câu hỏi.*

Văn kinh: *Vì tất cả các pháp đều vô sinh ra.*

Tiếp theo là phần thứ ba chung tất cả (thông). Đầu tiên là tổng quát, tiếp đó là riêng biệt. Đây là phần tổng quát. Bởi vì tất cả các pháp đều không sinh ra cho nên là không. Luận Chưởng Trân nói: “Vô vi không có thực, không khởi tựa như hoa đốm”. Vô vi không có thật là tông, không khởi cho nên là nhân. Khởi ấy là sinh, tựa như hoa đốm là ví dụ. Bởi vì vốn vô sinh cho nên thể chẳng phải là có. Kinh Giải Thâm Mật dựa theo ba vô tánh nói tất cả các pháp không sinh, không diệt, xưa nay vắng lặng.

Văn kinh: *Bồ-đề không thật có, tên gọi Bồ-đề cũng không thật có.*

Tiếp theo là riêng biệt về chung có ba: Đầu tiên y cứ theo Bồ-đề. Văn kinh-thù Vấn Phát Bồ-đề Tâm chép: “Bồ-đề chỉ có tên gọi, vì thế tục cho nên mà nói.” Luận giải thích rằng: Thị hiện pháp có thể chứng, chỉ có danh bởi vì luống dối phân biệt, cho nên thể đó không có thật. Ý ở đây là sở chứng chỉ có tên gọi giả tạm cho nên nói là thế tục. Nếu như tên gọi mà chọn lấy tức là luống dối phân biệt, không có thật thể. Năng thuyên là giả sở thuyên cũng thế. Trên đây là nói theo pháp.

Văn kinh: *Chúng sinh và tên gọi chúng sinh không thật có, Thanh văn và tên gọi Thanh văn không thật có, Độc giác và tên gọi Độc giác không thật có, Bồ-tát và tên gọi Bồ-tát không thể đạt được, phương Phật và tên gọi Phật không thật có.*

Cùng dựa theo hai chấp mà nói. Chúng sinh không thật có là sinh chấp không, tên gọi chúng sinh không thật có là pháp chấp không. Luận Bát-nhã của Thiên Thân chép: “Giả danh và ám sự, Như lai là tướng đó, các Phật không hai tướng, bởi vì thấy thật pháp.” Ý này là giả danh gọi là không thật, pháp không-giả, ám sự sinh không giả, chung cho cả hai.

Văn kinh: *Hành và chẳng phải hành là không thật có, tên gọi hành và chẳng phải hành không thật có. Lại dựa theo pháp để phân biệt rõ có năng chứng này.*

Hành nghĩa là sự tu hành pháp lành. Chẳng phải hành nghĩa là dứt

trừ các pháp không nên tu tập. Năng thuyên, sở thuyên đều không, cho nên trong đây chính là nói về hạnh năng đoạn của hành pháp Bồ-đề tâm. Chẳng phải hành là sở đoạn của tâm này, cho nên nói đối lại.

Văn kinh: *Vì không thật có cho nên đối với tất cả các pháp vắng lặng mà được an trú, ở đây nương vào tất cả công đức gốc lành này mà được sinh khởi.*

Tán rằng: Giải thích về nghĩa lý sâu xa khiến cho tu hành chân chánh tâm Bồ-đề. Vì không thật có cho nên khiến biết rõ Bồ-đề sở chứng và năng chứng, đồng thời năng chứng đều là danh ngôn thi thiết, đều là giả lập, không thực sự có thể đạt được. Biết đúng như vậy gọi là an trú trong tất cả các pháp vắng lặng. Nương vào đạo lý thế tục giả duyên và tất cả công đức gốc lành này mà Bồ-đề được sinh khởi, tức phù hợp với chánh lý nên gọi là Bồ-đề. Văn kinh-thù Văn Phát Bồ-đề Tâm chép: “Nơi đó không có người chứng, không có chỗ dụng chứng, cũng không có pháp để chứng. Thông đạt như vậy thì gọi là đắc A-nậu Bồ-đề.” Ý này không có người chứng cho nên không có người tu hành, không có chỗ dụng chứng tức là hạnh năng chứng, không có pháp để chứng tức là Bồ-đề sở chứng; nói rộng như trong luận ấy, hoặc theo kinh cật dịch nhằm lẫn nói rằng: “Nương vào tất cả công đức gốc lành mà được phát, đó gọi là mới phát tâm Bồ-đề”, kết luận thuộc về văn sau, các nhân khác đều không nói “Nương vào nơi khác gọi là phát tâm”, do đó phải trừ bỏ ba chữ cho nên gọi thế văn khác hẳn, bản mới dịch này là đúng.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Giống như núi chúa Tu-di bằng vật báu làm lợi ích cho tất cả, tâm Bồ-đề này lợi ích cho chúng sinh, nên đó gọi là nhân Bồ thí ba-la-mật bậc nhất.*

Tán rằng: Trả lời câu hỏi thứ nhất. Văn chia làm bốn:

1. Phát tâm.
2. Tu hành.
3. Chứng đắc.
4. Được che chở, tức là đạt được Đà-la-ni nên nhờ đó được che chở.

Đây là mới phát tâm, phát mười độ tâm, văn chia làm mười. Tự tướng phát tâm khó có thể hiểu rõ cho nên dùng ví dụ để trình bày. Đầu tiên phát tâm thực hành bố thí độ, dụ như người đến núi báu đều được lợi ích, cho nên trong văn có ba phần: Đầu tiên là dụ, tiếp theo là pháp hợp, sau cùng là kết luận. Các độ còn lại đều y cú theo đây hoặc có trường hợp không có pháp hợp. Nhờ phát tâm này mà vượt ra khỏi sinh tử, cầu

đại đạo Bồ-đề, lại vượt khỏi Nhị thừa, thực hành tâm lợi tha. Người gặp đều được ích lợi không có cùng tận, cho nên dùng núi chúa Diệu cao làm ví dụ. Núi này nổi lên giữa biển lớn, cao hơn so với các núi khác, là ngọn núi có châu báu vô tận nên có nhiều ích lợi. Tâm Bồ-đề này lợi ích cho chúng sinh nên hợp với sự lợi ích kia. Nhưng trong luận Đại trang nghiêm nêu ví dụ có khác, luận ấy chép: “Giống như kho lớn, Đền ba-la-mật tương ứng phát tâm cũng giống như vậy, vì tài vật cung cấp cũng không cùng tận.” Luận kia y cứ vào nghĩa bao hàm sử dụng vô tận, trong đây phải phân biệt rõ phát tâm Bồ-đề, sơ lược như trước đã nói. Lại luận Trang Nghiêm chép: “Tâm Bồ-đề này lấy gì làm gốc? Nướng tựa vào nơi nào v.v... có tất cả mười một câu hỏi. Lấy đại bi làm gốc, lấy lợi ích chúng sanh làm nơi nương vào, lấy pháp Đại thừa làm niềm tin, lấy chủng trí làm sở duyên, vì cầu tâm đó nên lấy ý muốn thù thắng làm chỗ nương, vì nguyện cầu vô thượng thừa nên lấy đại hộ làm nơi an trú, vì trú trong giới Bồ-tát nên lấy sự chịu đựng nghiệp chướng làm trở ngại khổ nạn, vì khởi tâm nơi thừa khác nên lấy tăng thêm lợi ích làm công đức; lấy phước trí làm tự tánh; lấy sự tu tập các độ làm phương tiện xuất ly; lấy địa vị viên mãn làm rốt ráo.” Theo từng địa từng địa siêng năng phương tiện tương ứng với mọi điều kia. Theo văn trả lời này thì biết mười một câu hỏi. Lợi ích chúng sinh này là nghĩa thứ hai, y theo đây có thể tu cho nên lấy lợi ích chúng sinh làm chỗ nương.

Văn kinh: *Này người thiện nam, ví như đại địa giữ gìn mọi vật nên gọi là nhân thứ hai Giữ giới ba-la-mật. Ví như đại địa thường giữ gìn mọi vật, do đó lấy giới làm gốc. Thường sinh ra công đức nên dụ cho đất, vì vậy kinh Di Giáo chép: “Nên biết rằng giới này là nơi an trú yên ổn của các công đức pháp lành.” Thường sinh ra các thiên định và trí tuệ diệt khổ, vì vậy ví dụ như đất. Trong luận Đại trang nghiêm dụ như chiếc rương báu.*

Ý ở đây là do giới thường sinh ra các công đức như chiếc rương sinh ra các vật. Như Luận ấy chép: “Công đức pháp bảo từ đó sinh ra.” Lại nữa, chiếc rương báu và vật báu là nơi nương tựa, nương vào chiếc rương cất giữ bảo vệ không để mất mát, như nương vào giới nên các công đức tồn tại. Nếu đã phá giới như đầu người lia cổ, các căn đều bỏ. Đã phá giới rồi thì công đức sẽ bị hủy diệt. Giữ gìn mọi vật cho nên là pháp hợp, hoặc chỉ là dụ. “Đó gọi là...” trở xuống là kết luận, lược bỏ không có pháp hợp.

Văn kinh: *Giống như sư tử có oai lực rộng lớn, bước đi một mình không hề sợ hãi, lia xa kinh sợ nên gọi là nhân thứ ba Nhẫn nhục ba-*

la-mật. Ví như dụ sư tử.

Sư tử có ba đức:

1. Có oai lực lớn lao.
2. Bước đi một mình không hề sợ hãi.
3. Lìa xa sợ hãi.

Như ví dụ dưới đây: Ví như sư tử bước đi một mình không hề sợ hãi, vì phát tâm tu tập ba thứ nhẫn. Trong luận Đại Trang Nghiêm chép: Dụ như biển lớn, những người có tâm trái nghịch thì bất động. Kinh Di giáo nói: Người thực hành được nhẫn nhục mới đáng gọi là người có sức mạnh lớn lao, cho nên đạt được vô úy. “Đó gọi là...” trở xuống là kết luận, lược bỏ không có pháp hợp.

Văn kinh: Ví như phong luân, sức lực Na-la-diên dũng mãnh tráng kiện mau chóng, tâm không lui sụt nên đó gọi là nhân thứ tư cần sách Ba-la-mật. Ví như phong luân... có hai ví dụ: Một là phong luân dụ cho mặc giáp tinh tiến, dụ như phong luân thâm nhiếp giữ gìn thế giới. Na-la-diên, Hán dịch là Lực thắng (sức lực mạnh mẽ), dụ cho hai thứ tinh tiến lợi lạc và thâm nhiếp thiện. Trong dụ nhiếp thiện tinh tiến lại có vô hạ, vô túc, vô thối. Do mạnh mẽ cho nên không tự thấp kém khuất phục là vô hạ (không dưới), thực hiện mọi việc mau chóng là vô túc (không đầy đủ), nhờ có nhiều sức lực vì vậy thực hiện công việc không thoái thác. Như sau dụ cho ba thứ tinh tiến là vô hạ, vô túc, vô thối, là dụ cho nhiếp thiện tinh tiến. Trong luận Duy thức chép: “Ngay nơi kinh đã nói có thể lực, có cần mẫn, có dũng mãnh.” Bền chắc vững vàng không bỏ cái ách xe tốt, một thứ đầu tiên là mặc giáp, bốn thứ còn lại là nhiếp thiện. Hoặc có thể, mau chóng là dụ cho lợi tinh tiến, lấy đại bi làm gốc, tu tập chuyên cần lợi ích chúng sinh nhanh chóng thay đổi. Hoặc có thể là tướng chung, không cần phải phối hợp riêng. Trong luận Đại trang nghiêm dụ như kim bền chắc nên không thể đập vỡ. Theo dụ này có hai:

1. Mạnh mẽ dụ cho thần.
2. Kim cang dụ cho cái chày.

Thực hành tinh tiến như chày kim cang kia bền chắc không bị đập vỡ. Người thường thực hành như thần cầm chày kim cang mạnh mẽ không thối lui. Hoặc chỉ dụ cho thần, bởi vì thân kim cang không thể hủy hoại.

Văn kinh: *Giống như lầu quán bảy báu có bốn thêm đường đi, gió mát rượi thổi đến bốn cửa được niềm vui yên ổn, pháp tạng vắng lặng cầu được đầy đủ nên đó gọi là nhân thứ năm Tinh lực ba-la-mật. Phần*

dưới là dụ cho định. Đầu tiên là dụ, tiếp đến là pháp hợp, sau cùng là kết luận. Dụ có bốn:

1. Dụ về lầu quán: bốn thiền tám định đầy đủ, bảy thứ cao quý như bảy báu trang nghiêm. Lại còn các thiền định, bảy thứ Thánh tài giúp đỡ bảy chi giới làm nhân cho nên dụ như lầu quán bảy báu. Lầu tức là quán, vừa hẹp vừa cao gọi là lầu. Quán nghĩa là cửa cung, khuyết là vọng lầu hai bên cửa cung điện.

2. Bốn thêm đường đi dụ cho phát tâm, các hạnh tu định v.v... có bốn thứ đại (to lớn), như trong luận Đại trang nghiêm: “Bồ-tát phát tâm có bốn thứ đại:

- Đại dũng mãnh, nghĩa là thệ nguyện rộng lớn tinh tiến sâu xa khó làm, tùy thuận lâu dài.

- Đại phương tiện, nghĩa là mặc giáp thệ nguyện rộng lớn để phương tiện lâu dài, siêng năng chuyên cần tinh tiến.

- Đại lợi ích, nghĩa là bất cứ lúc nào cũng thực hành tự lợi và lợi tha.

- Đại xuất ly, nghĩa là vì cầu vô thượng Bồ-đề. Do đó nương vào bốn thứ đại này có thể hướng đến Bồ-đề, giống như bốn con đường.”

Hoặc vô tác tứ đế trong kinh Đại Bát-nhã gọi là Cù lộ (đường ngã tư).

3. Gió mát rượi, dụ cho có công năng xua tan sự nóng bức của phiền não.

4. Thối đến bốn cửa, bốn cửa dụ cho bốn quán thường, lạc, ngã, tịnh. Theo các nơi khác nói Định là nhân của lạc đức, ở đây nói theo cái chung. (Phật có đủ bốn nhân khởi tu, thích hợp với năng chứng được gọi là được vui an ổn, kho pháp vắng lặng cầu được đầy đủ, đó là chỉ chung cho pháp hợp. “Đó gọi là...” trở xuống là kết luận, vì thế dụ cho thối đến cửa. Trong luận Đại trang nghiêm dụ như núi chúa không lay động, không chao đảo là dụ chung cho tự tánh, ở đây dụ chung cho sự khác nhau.

Văn kinh: ***Giống như ánh sáng mặt trời chiếu soi rực rỡ.***

Tiếp theo dụ cho phát tâm tu nhân Bát-nhã độ. Văn cũng có ba phần: Dụ, hợp, kết.

- Dụ có hai thứ:

1. Mặt trời dụ cho trí của tự tánh.

2. Ánh sáng chiếu soi rực rỡ dụ cho tác dụng, có hai:

- Thường chiếu soi sáng tỏ.

- Thường xua tan tối tăm, tức là chứng chân, dứt hoặc. Lý chung

cho cả lợi vật, vì có thể lực cao quý. Đây là tự đạt được rồi cũng khiến cho người khác đạt được, chung cho cả tự năng và tha năng.

Văn kinh: *Tâm này mau chóng, thường xua tan bóng tối sinh tử vô minh, nên đó gọi là nhân thứ sáu Trí tuệ ba-la-mật.*

Đây là pháp-hợp. Tâm này cầu Bát-nhã gọi là nhân, cho nên thuộc về sở cầu, nhân là nguyên do, do Bát-nhã kia v.v... có khả năng này, cho nên phát tâm cầu, vì thế gọi là nhân. Trí và tâm đầy đủ, hoặc vì duyên lực cho nên nói chung gọi là tâm có công năng. Năng phá sinh tử, trừ bỏ khổ đế, xua tan được bóng tối vô minh, dứt bỏ được tập đế, năng diệt là đạo đế, sở chứng là diệt đế. Trong luận Đại trang nghiêm: Trí dụ như thuốc, bệnh của hai chướng hoặc và trí, trí này có công năng phá trừ. Hai chướng che lấp lý không sáng tỏ dụ cho bóng tối, cho nên trí dụ cho thể của mặt trời xua tan bóng tối, có thể làm cho suy tổn không khởi hai trí. Hai chướng dụ cho bệnh vì thế trí dụ cho thuốc chữa bệnh. “Cho nên gọi...” về sau là kết luận.

Văn kinh: *Ví như người đi buôn có khả năng khiến cho tất cả tâm nguyện đều được trọn vẹn, tâm này có khả năng vượt qua con đường hiểm nạn sinh tử, đạt được công đức quý báu, nên gọi là nhân thứ bảy phương tiện Thắng trí ba-la-mật.*

Ở dưới là dụ cho nhân phát tâm tu phương tiện khéo léo. Văn cũng có ba phần:

1. Giống như người đi buôn có nhiều phương tiện khéo léo, có hai công năng:

- a. Có thể biết rõ đường đi.
- b. Dẫn đến đảo châu báu khiến cho thỏa mãn nguyện cầu.

2. “Tâm này có khả năng vượt qua...” trở xuống là pháp hợp. Do phương tiện hồi hướng, phương tiện cứu giúp vượt qua con đường sinh tử, gạt hái được công đức quý hiếm của đại Bồ-đề, không giống như Nhị thừa hưởng về nơi vắng lặng. Giải thích chung cho cả tự tha và nhân v.v... đều theo như trước đã biết, văn kết luận có thể biết.

Văn kinh: *Giống như trăng sáng tròn đầy không bị mây che, tâm này có thể đối với tất cả cảnh giới thanh tịnh đầy đủ nên gọi là nhân thứ tám Nguyện ba-la-mật.*

Đây là dụ cho phát tâm tu nguyện. Văn cũng chia ba phần. Do cầu Bồ-đề, nguyện lợi lạc cho người khác là nguyện, đầy đủ đại nguyện này như mặt trăng tròn vành vạnh. Dứt bỏ chướng tự tha cho nên nói là không bị mây che. “Tâm này có thể đối với...” trở xuống là kết hợp nguyện cầu. Hai lợi tự tha phải ở nơi cảnh giới chân tục lìa bỏ chướng

hoàn toàn mới được đầy đủ, vì vậy nói “tất cả cảnh giới thanh tịnh đầy đủ”. Văn kết luận có thể biết.

Văn kinh: *Ví như Chuyển luân Thánh vương đứng đầu binh lính cận thân, tùy ý tự tại, tâm này khéo léo trang nghiêm thanh tịnh cõi nước Phật, vô lượng công đức lợi ích tất cả chúng sinh nên gọi là nhân thứ chín Lực ba-la-mật.*

Dụ cho phát tâm tu lực. Văn chia làm ba như trước. Trong dụ có:

1. Dụ Luân vương.
2. Dụ làm người đứng đầu binh lính cận thân.

Wương là dụ chung cho phát tâm đại Bồ-đề, cận thân là dụ riêng đối với phát tâm tu lực. Có hai thứ lực:

1. Tư trạch năng lực.
2. Tu tập năng lực.

Như làm người đứng đầu binh lính cận thân thì phải có bốn quân binh, tùy ý tự tại của mình như tư trạch lực (năng lực nghĩ chọn), cũng tùy theo ý tự tại của vua như tu tập lực (năng lực tu tập). Bốn quân binh có hai tác dụng:

1. Mở rộng biên giới cõi nước.
2. Làm an ổn cho chúng sinh.

“Tâm này...” trở xuống là pháp hợp. Do Lực ba-la-mật: một là có thể trang nghiêm cõi nước, hai là lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Vô lượng công đức chung cho cả hai nơi này, vô lượng công đức để trang nghiêm cõi nước, vô lượng công đức để lợi ích rộng lớn cho chúng sinh. Văn kết luận có thể biết.

Văn kinh: *Ví như hư không và Chuyển luân Thánh vương, tâm này có thể đối với tất cả cảnh giới không có chướng ngại, đối với tất cả nơi chốn đều được tự tại, cho đến địa vị quán đảnh, nên gọi là nhân thứ mười Trí ba-la-mật. Đây người thiện nam! Đó gọi là mười thứ nhân Bồ-đề tâm của Đại Bồ-tát.*

Tiếp theo dụ cho phát tâm tu trí. Văn chia làm ba như trước.

Dụ có hai thứ:

1. Dụ cho hư không.
2. Dụ cho Luân vương.

Trí có hai thứ:

1. Trí thành tựu hữu tình, như hư không dung nạp thấu nhận bình đẳng không hề chọn lựa.
2. Trí thành tựu Phật pháp như Luân vương thọ nhận địa vị Quán đảnh.

Lại nữa, hai trí này đều chung cho cả hai thứ:

1. Thanh tịnh như hư không, bao trùm dung chứa tất cả công đức sẵn có.

2. Như vua Chuyển luân có khả năng tiếp nối địa vị Phật làm lợi ích rộng cho hữu tình.

“Tâm này...” trở xuống là pháp hợp. Tất cả cảnh giới không hề ngăn ngại là hợp với hư không, đều được tự tại cho đến địa vị quán đảnh là hợp với vua Chuyển luân. Văn kết luận có thể biết.

Văn kinh: **Mười nhân như thế ông nên tu học.**

Tiếp theo là tổng kết khuyên tu.

Hỏi: Nhân vị phát tâm này ở nơi nào?

Đáp: Phát tâm có nhiều vị, theo luận Đại trang nghiêm có hai: một là thế tục, hai là thắng nghĩa. Thế tục ở Địa tiền, thắng nghĩa ở Địa thượng.

Lại nói: Bồ-tát phát tâm nương vào các địa có bốn thứ khác nhau:

1. Tín hạnh phát tâm, gọi là Tín hạnh địa.
2. Tịnh y phát tâm, gọi là bảy địa trước.
3. Báo đắc phát tâm, gọi là ba địa sau.
4. Vô chướng phát tâm, gọi là Như lai địa.

Ở đây dựa theo ba kỳ (ba a-tăng-kỳ) và cứu cánh vị đều có chỗ thêm mà nói, căn cứ vào thực tế bốn mươi hai giai vị mỗi vị đều có phát tâm. Văn kinh-thù Sở Vấn Bồ-đề Tâm lại nói có bốn thứ, kinh nói: “Có bốn thứ tâm có công năng thành tựu nhân, có công năng thành tựu quả. Bốn thứ ấy gồm:

1. Sơ phát tâm.
2. Hạnh phát tâm.
3. Bất thối phát tâm.
4. Nhất sinh bổ xứ phát tâm.”

Luận giải thích rằng: “Hai phát tâm trước đều ở Địa tiền, phát tâm thứ nhất vượt xa Thanh văn, phát tâm thứ hai vượt qua Bích-chi-phật, phát tâm thứ ba vượt qua Bất định địa, vào Sơ địa, được chứng trí, phát tâm thứ tư dùng điều lành để đạt Pháp vương tứ địa tức là Địa thứ mười.” Du-già quyển bảy mươi hai lại có mười thứ phát tâm:

1. Thế tục phát tâm ở Địa tiền.
2. Đắc pháp tánh phát tâm, tức Bồ-tát nhập địa và người được quả Nhị thừa hồi tâm.
3. Bất quyết định phát tâm, nghĩa là chẳng phải chủng tánh Bồ-

tát, dù cho Bồ-tát tánh cũng có pháp thối lui.

4. Quyết định phát tâm, trái lại với phát tâm kia.

5. Bất thanh tịnh phát tâm, do bị người khác bức bách hoặc cầu mạng sống... nên phát tâm.

6. Thanh tịnh phát tâm, trái lại với phát tâm trên.

7. Luy liệt phát tâm, nghĩa là phát tâm rồi lại bị các tham trước ràng buộc che lấp nên bỏ chánh theo tà.

8. Cường thịnh phát tâm, trái lại so với phát tâm trước.

9. Vị thành tựu quả phát tâm, đó là nhân vị.

10. Dĩ thành tựu quả phát tâm, là ở Phật vị.

Trong mười thứ phát tâm ở đây nói thì quyết định, bất thanh tịnh và luy liệt đều có khả năng làm nhân trong ba phần nhỏ, do đó chỉ có thể y cứ vào tướng chung mà giải thích chung cả ba loại phát tâm đã nói ở trước. Hoặc căn cứ vào một tướng riêng mà phối hợp không ngăn ngại, nhưng không bằng thông suốt. Dụ, pháp về mười nhân phát tâm của tam tạng Chân đế đều giải thích có năm nghĩa, mười độ dưới đây mỗi độ đều có năm hành tướng cho nên tuy có lý này nhưng không có người chánh văn, giải thích thành năm nghĩa, khó y cứ vào mười độ ở dưới mỗi độ đều có năm hành, Chân đế phối hợp với năm môn của sáu độ chín môn trong luận Du-già kia:

1. Tự tánh.

2. Nhất thiết.

3. Nan hành.

4. Thiệt sĩ.

5. Thanh tịnh.

Tùy theo đó mà phối hợp năm môn, lý lẽ cũng khó. Các kinh luận giải thích mỗi mỗi đều khác nhau. Trong các kinh luận như Tạp, Tập, Duy thức... thì sáu độ đầu đều có ba hành, bốn độ sau đều có hai hành; trong luận Đại trang nghiêm thì sáu độ mỗi độ đều có sáu môn; trong kinh Bảo Vân thì mười độ mỗi độ đều có mười môn. Tại sao chỉ phối hợp với năm môn trong chín môn của Du-già? Do đó biết rằng hành tướng của mười độ khác nhau có vô lượng hạnh môn, trong các kinh luận tùy theo đó mà nói rõ lẫn nhau, đều không trái nhau. Nhưng tùy theo hành tướng dựa vào để giải thích cũng được, dùng nghĩa của chín môn để thâm nhiếp tất cả, hơn nữa dựa vào các luận Duy thức, Nhiếp đại thừa... mà trình bày khác nhau.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Nhờ vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Bồ thí ba-la-mật.*

Năm pháp ấy gồm:

1. Tín căn.
2. Từ bi.
3. Tâm không mong cầu.
4. Che chở tất cả chúng sinh.
5. Nguyện cầu trí nhất thiết trí.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Bồ thí ba-la-mật. Ở đây nói tiếp về phần thứ hai “tu hành đã phát tâm rồi tiếp tục nên tùy đó tu tập” trong phần Đức Phật trả lời. Trong đó chia làm hai:

1. Tu hành.
2. Giải thích tên gọi.

Tu hành mười độ tức là mười đoạn, trong mỗi đoạn đều chia ra làm bốn đoạn nhỏ:

1. Nêu ra.
2. Trưng hỏi.
3. Giải thích.
4. Kết luận.

Văn từng đoạn để biết sau này không cần phân chia, nhưng lặp lại văn giải thích.

1. Tín căn: Bồ-đề dùng tín làm gốc. Lại nữa, phát tâm Bồ-đề, trong kinh luận nói bồ thí có năm thứ, vì tín tâm thí, cho nên đứng đầu, tín làm gốc mà thực hành bồ thí.

2. Từ bi, đã là Bồ-tát thì mục đích là ở lợi ích chúng sinh, kể là tín Từ bi, ban vui cứu khổ nên thực hành bồ thí.

3. Không cầu mong, vì cầu Bồ-đề mà thực hành bồ thí không mong mỗi ba cõi và sự báo ân, vì vậy không có tâm mong cầu.

4. Che chở tất cả chúng sinh, vì lợi ích chúng sinh cho nên bình đẳng che chở tất cả chúng sinh.

5. Nguyện cầu trí nhất thiết trí là hồi hướng nguyện cầu mình và người đạt được Bồ-đề Phật.

Lại nữa, tín căn chính là thể của tâm Bồ-đề, y chỉ tối thắng trong bảy thứ tối thắng tức là thuộc về từ bi, không có tâm mong cầu là thanh tịnh thắng, che chở tất cả là ý lạc thắng, nguyện cầu chúng trí là hồi hướng thắng. Xếp bồ thí ở đầu đại khái thuộc về tối thắng, theo đó hiển bày chín độ còn lại cũng thuộc về tối thắng nên mới gọi là độ.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Lại nhờ vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Trì giới ba-la-mật.*

Năm pháp ấy là:

1. Ba nghiệp thanh tịnh.
2. Không bị tất cả chúng sinh làm nhân duyên phiền não.
3. Đóng kín các đường ác, mở rộng các cửa lành.
4. Vượt qua địa vị của Thanh văn, Độc giác.
5. Tất cả công đức thấy đều đầy đủ.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Giữ giới ba-la-mật. Trong giới có ba, đó là luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới, nhiều ích hữu tình giới.

1. Ba nghiệp thanh tịnh này chính là tự tánh của ba nhóm giới.
2. Không bị tất cả chúng sinh làm nhân duyên phiền não, tùy theo đó giúp đỡ người khác đứng vững, nhưng theo luận Thập địa thì Bồ-tát thọ giới với ý muốn là dứt bỏ bốn dòng chúng sinh, tức là dứt bỏ nhân mê hoặc.
3. Đóng kín các đường ác, mở rộng các cửa lành, trong luận Thập địa nói: “Bồ-tát thọ giới vì trừ diệt khổ đau nơi các đường ác cho chúng sinh.”
4. Vượt qua các địa vị Thanh văn, Độc giác rất là sâu xa, vì thế không giống như Nhị thừa; cầu đạt đến đại Bồ-đề, do đó không mong Tiểu quả.

5. Công đức đầy đủ: do giới làm nơi nương tựa mà phát sinh định tuệ; vì vậy kinh Di Giáo chép: “Nương nhờ vào giới này có công năng phát sinh các thiền định và trí tuệ diệt khổ.” Lại nữa, thứ nhất thuộc về giới nhiếp luật nghi, thứ hai và thứ ba thuộc về nhóm giới nhiều ích hữu tình, thứ tư và thứ năm thuộc về nhóm giới nhiếp thiện pháp.

Vấn kinh: *Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Nhẫn nhục ba-la-mật.*

Năm pháp ấy là:

1. Hàng phục được phiền não tham, sân.
2. Không tiếc thân mạng, không cầu an vui, ngừng dứt vọng tưởng.
3. Suy nghĩ về nghiệp trước kia nên gặp khổ đau có thể nhẫn chịu.
4. Phát tâm Từ bi, thành tựu các gốc lành cho chúng sinh.
5. Để đạt được pháp nhẫn vô sinh sâu xa.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu nhẫn nhục ba-la-mật.

Nhẫn cũng có ba:

1. Nại oán hại nhẫn.

2. An thọ khổ nhẫn.
3. Đế sát pháp nhẫn.

Nói có thể hàng phục được phiền não tham, sân là nạn oán hại nhẫn. Bởi vì không tiếc thân mạng... là an thọ khổ nhẫn, lấy tinh tiến làm Thế, thường thực hành khổ hạnh, không mong cầu nghỉ ngơi yên ổn, suy nghĩ nhiều về trước đây bị người khác hãm hại... suy nghĩ về nghiệp ngày xưa của mình nhẫn nhìn người khác không tức giận, lại do từ bi mà che chở họ cho nên nhẫn chịu không hề tức giận. Hai thứ này tức là nhân của nạn oán hại nhẫn. Nhân có năm thứ:

1. Chỉ có pháp tưởng.
2. Có khổ tưởng.
3. Vô thường tưởng.
4. Thân thuộc tưởng.
5. Nhiếp thọ tưởng.

Ở đây nêu ra hai trong năm thứ, vì pháp sâu xa là đế sát pháp nhẫn, lấy tuệ làm tánh.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu cần sách Ba-la-mật.*

Năm pháp ấy gồm:

1. Không thích tồn tại với các phiền não.
2. Phước đức chưa đầy đủ không chịu an vui.
3. Đối với các việc khổ hạnh khó thực hành không sinh tâm chán nản.
4. Dùng đại Từ bi che chở lợi ích, phương tiện thành tựu tất cả chúng sinh.
5. Mong cầu địa vị không lui sụt .

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu cần sách Ba-la-mật.

Trong Tinh tiến độ:

1. Không thích tồn tại với các phiền não là tinh tiến, có ba:
 - a. Mặc áo giáp.
 - b. Thâu nhiếp điều lành.
 - c. Lợi lạc hữu tình, đây tức là thứ nhất mặc áo giáp tinh tiến, đầu tiên phát tâm khởi dậy mạnh mẽ, ưa thích dứt bỏ các đường phiền não giống như mặc áo giáp.
2. Phước đức chưa đầy đủ không chịu an vui là trong nhiếp thiện có bốn thứ: Gia hạnh, vô hạ, vô thối, vô tức, đây là vô thối tinh tiến, đối với việc chưa đạt được thì thường tiến tới mong cầu cho nên không dừng

ngủ để thọ hưởng vui sướng.

3. Đối với các việc khó thực hành không sinh tâm chán nản là vô túc tinh tiến.

4. Thường có tâm Từ bi, che chở làm lợi ích chúng sinh, phương tiện thành tựu tất cả, cho nên thuộc về lợi lạc hữu tình tinh tiến.

5. Mong cầu địa vị không lui sụt là vô hạ tinh tiến trong nhiếp thiện, không tự khinh mình mà thường mong cầu giai vị cao hơn.

Văn kinh: **Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Tĩnh lực ba-la-mật.** Năm pháp ấy gồm:

1. Đối với các pháp lành tiếp nhận, không để phân tán.

2. Thường nguyện giải thoát, không mê đắm hai bên.

3. Nguyện đạt được thần thông vì thành tựu các gốc lành cho chúng sinh.

4. Làm thanh tịnh pháp giới, trừ sạch tâm dơ bẩn.

5. Vì dứt bỏ phiền não căn bản cho chúng sinh.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Tĩnh lực ba-la-mật.

Trong Tĩnh lực cũng có ba:

1. An trú tĩnh lực.

2. Dẫn phát tĩnh lực.

3. Biện sự tĩnh lực.

Trong đây thứ nhất là an trú trong các thiện phẩm, không để phân tán, trú trong định khinh an, nên gọi là an trú, dẫn dắt phát khởi thần thông và các công đức đều gọi là dẫn phát, có khả năng phân biệt các việc lợi ích cho mình và người nên gọi là biện sự. Thứ hai là thường nguyện giải thoát, giải thoát tức là tám thứ giải thoát, đối với bên không, bên hữu không mê đắm đó là dẫn đến giải thoát. Thứ ba nguyện đạt được thần thông tức là sáu thứ thần thông; do hiện bày thần thông khiến các chúng sinh bỏ tà theo chánh, chứa nhóm các gốc lành. Hai thứ này tức là dẫn phát tĩnh lực. Thứ tư là làm thanh tịnh pháp giới, trừ sạch tâm dơ bẩn là tâm chung cho cả hai thứ, năng duyên lực tâm và Độ nhất nghĩa tâm; làm thanh tịnh pháp giới tức là Độ nhất nghĩa tâm, nương vào định có thể trừ hai tâm dơ bẩn nên đây là tự lợi. Thứ năm vì dứt bỏ phiền não căn bản cho chúng sinh, đây tức là lợi tha. Hai thứ sau này là biện sự tĩnh lực, bởi vì thường làm các việc lợi ích cho mình và người. Chẳng phải chỉ có duyên sự gọi là biện sự, sự nghĩa là nghiệp dụng của sự nghiệp; nhưng các chỗ nói biến mặt đất trở thành vàng... là biện sự mà y cứ theo việc lợi ích bên ngoài.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Trí tuệ ba-la-mật.*

Năm pháp ấy gồm:

1. Thường đối với tất cả các Đức Phật, Bồ-tát và các bậc trí tuệ sáng suốt, gần gũi cúng dường không sinh nhàm chán mỗi một.
2. Các Đức Phật, Như lai nói pháp sâu xa, tâm thường thích nghe không hề thỏa mãn.
3. Chân tục thẳng trí ưa thích khéo léo phân biệt.
4. Phiền não kiến, tư thấy đều mau chóng dứt bỏ.
5. Kỹ thuật thế gian và pháp năm minh đều thông đạt.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Trí tuệ ba-la-mật. Trí cũng có ba thứ, đó là: Trí gia hạnh, Trí căn bản, Trí hậu đắc. Hai thứ trí đầu trong năm thứ là trí gia hạnh. Đối với bạn lành tu tập mười pháp cúng dường và nguyện luôn luôn theo sát bên cạnh gọi là gần gũi tất cả các Đức Phật, bạn lành đều nguyện cầu cúng dường, gần gũi không có tâm chạy theo hay chống trái, như phần cúng dường ở trước đã nói. Hai là thường thích nghe pháp, tâm không hề thỏa mãn, nên nói các Đức Phật vốn là duyên cầu pháp; hai thứ trên đều thuộc về trí gia hạnh. Thứ ba và thứ năm là trí hậu đắc, niềm vui ở hai cảnh giới chân tục có khả năng hiểu rõ. Thứ tư là vì dứt bỏ phiền não kiến, tư thuộc về trí căn bản. Kỹ thuật thế gian tức là sáu mươi bốn kỹ năng, pháp năm minh gồm nội minh, nhân minh, thanh minh, y phương minh và công xảo minh, khai triển như Du-già ba mươi tám nói.

Hỏi: Đối với nội minh, xứ là chỉ có Phật giáo mới có nội minh xứ phải không?

Đáp: Ngoại đạo cũng có, nhưng hiểu rõ nhân quả trong thân mình mới gọi là nội minh xứ.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Phương tiện ba-la-mật.*

Năm pháp ấy gồm:

1. Đối với ý thích phiền não, tâm hạnh khác nhau của tất cả chúng sinh thấy đều thông đạt.
2. Vô lượng các pháp và pháp môn đối trị tâm đều hiểu rõ.
3. Ra vào tự tại trong định đại Từ bi.
4. Đối với các ba-la-mật đa đều nguyện tu hành thành tựu đầy đủ.
5. Tất cả Phật pháp đều nguyện hiểu rõ thông suốt tiếp nhận không sót.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu phương tiện Thắng trí ba-la-mật. Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Nguyên ba-la-mật. Năm pháp ấy gồm:

1. Đối với tất cả các pháp từ xưa đến nay không sinh không diệt, chẳng phải có chẳng phải không, tâm được an trú.
2. Quán xét tất cả các pháp nhiệm mầu lý thú, lìa cấu thanh tịnh, tâm được an trú.
3. Vượt qua tất cả các tướng, tâm vốn chân như, vô tác vô hành, bất dị bất động, tâm được an trú.
4. Vì việc làm muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, ở trong tục đế, tâm được an trú.
5. Đối với Xa-ma-tha (ngưng dứt ý niệm), Tỳ-bát-xá-na (quán sát ý niệm) đồng thời vận hành, tâm an trú.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Nguyên ba-la-mật. Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp và Đại Bồ-tát thành tựu Lực ba-la-mật. Năm pháp ấy gồm:

1. Nhờ năng lực chánh trí mà hiểu rõ tâm hạnh thiện ác của tất cả chúng sinh.
2. Làm cho tất cả chúng sinh nhập vào pháp sâu xa nhiệm mầu.
3. Tất cả chúng sinh luân hồi trong sinh tử, tùy theo duyên nghiệp của họ nên hiểu rõ đúng với sự thật.
4. Đối với ba thứ căn tánh của tất cả chúng sinh dùng năng lực chánh trí phân biệt biết rõ.
5. Đối với các chúng sinh giảng nói đúng như lý giúp họ gieo trồng gốc lành thành tựu độ thoát, đó đều là trí lực.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Lực ba-la-mật. Này người thiện nam! Lại nương vào năm pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu Trí ba-la-mật. Năm pháp ấy gồm:

1. Đối với các pháp phân biệt rõ thiện ác.
2. Đối với hắc pháp, bạch pháp xa lìa nhiếp thọ.
3. Đối với sinh tử, Niết-bàn không nhằm chán, không ưa thích.
4. Đầy đủ phước trí thực hành đến chỗ rốt ráo.
5. Thọ nhận địa vị quán đảnh thù thắng, được các pháp bất cộng và trí Nhất thiết trí của các Đức Phật.

Này người thiện nam! Đó gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Trí ba-la-mật.

Bốn độ: Phương tiện, nguyện, lực, trí theo thuyết của Du-già 49, như trước đã nói. Mười hai hành tướng phương tiện khéo léo, nên biết

rằng giải thích gọi là phương tiện khéo léo, như trước đã nói. Năm nguyện lớn gọi là nguyện, tất cả mười lực gia hạnh gọi là lực, đối với tất cả các pháp đúng như thật an lập thanh tịnh trí mầu gọi là trí.

Hỏi: Độ thứ mười này và thứ sáu khác nhau như thế nào?

Đáp: Ngay trong luận đó chép: “Thường chọn lấy thắng nghĩa không còn phân biệt chuyển thành thanh tịnh diệu tuệ gọi là tuệ, thường chọn lấy thế tục còn có phân biệt chuyển thành thanh tịnh diệu trí gọi là trí; gọi là hai phân biệt.” Mười hai phương tiện khéo léo ấy trong Du-già quyển bốn mươi lăm chép: “Phương tiện khéo léo, nên biết rằng nói lược có mười hai thứ, dựa vào nội tu chứng tất cả Phật pháp có sáu, nương vào ngoại thành tựu tất cả hữu tình cũng có sáu thứ. Dựa vào nội tu có sáu, đó là:

1. Đối với hữu tình tâm Từ bi chú ý không quên.

2. Đối với các hạnh biết tất cả đúng như thật.

3. Đối với tâm Bồ-đề vui mừng sâu sắc.

4. Chú ý không quên hữu tình, không bỏ sinh tử.

5. Biết khắp các hành luân hồi không nhiễm.

6. Ưa thích trí Phật, hăng hái tinh tiến; gọi là nương vào bên trong tu tập sáu thứ khéo léo. Ý này là tự lợi.

Nương vào hữu tình bên ngoài tu tập sáu thứ khéo léo đó là:

1. Khiến cho người tu tập chút ít điều lành chiểu cảm vô lượng cho đến điều lành nhỏ bé cũng khiến cho tu tập hồi hướng.

2. Khiến cho người có công lực nhỏ đạt được đại Bồ-đề, khiến cho bỏ tà vạy, tu tập vui theo v.v...

3. Khiến người trái với Thánh giáo, khiến cho dứt bỏ oán hận bực tức.

4. Người ở trong trung đạo khiến cho họ đi vào.

5. Người hướng đi vào khiến cho họ được thành tựu.

6. Người đã thành tựu khiến cho được giải thoát.

Sau khi đã thành tựu bốn thứ sau trong sáu khéo léo, tiếp tục tu sáu thứ phương tiện khéo léo:

1. Thuận theo hiểu rõ thông suốt, tức là hiểu biết giải thích sự trái nhau giữa các giáo.

2. Cùng lập nên văn khế quan trọng, khiến cho trước tiên bỏ ác làm lành, phương tiện lợi ích...

3. Ý ưa thích khác nhau, thấy những điều không lành, tỏ ý chống trái, không thực hành những điều đã hứa trước đó, tâm không đắm nhiễm, khiến cho sửa đổi tu tập.

4. Thúc bách những người sinh ra nơi địa vị cao quý nhanh chóng khiến cho tu tập điều lành.

5. Thi ân báo ân, nghĩa là đối với người có ân muốn đền đáp, chỉ khiến cho họ tu điều lành là tạo điều kiện để họ báo ân.

6. Rốt ráo thanh tịnh, nghĩa là hiện tám tướng, rốt ráo lợi ích chúng sinh...

Rộng như luận kia giải thích. Nguyện hạnh khác nhau có nói một nguyện, tức là sơ phát tâm, nguyện cứu độ hữu tình cùng cầu quả Phật. Luận Phát Bồ-đề Tâm nói: “Dùng nguyện này dẫn dắt phát sinh mười nguyện lớn.” Như các luận Duy thức... nói có hai nguyện:

1. Nguyện cầu Bồ-đề.
2. Nguyện lợi lạc người khác.

Các nơi khác đều nói có bốn thế nguyện rộng lớn, tức là chưa độ thoát khiến cho độ thoát... Trong Du-già quyển bốn mươi lăm nói có năm nguyện lớn:

1. Nguyện Phát tâm.
2. Nguyện Thọ sinh.
3. Nguyện Sở hành.
4. Chánh nguyện.
5. Đại nguyện.

Đối với Vô thượng giác đầu tiên phát tâm mong cầu gọi là nguyện phát tâm, tiếp đó vì lợi ích chúng sinh nguyện sinh vào đường lành gọi là nguyện thọ sinh, nguyện tu tập các pháp lành gọi là nguyện sở hành, nguyện sẽ tiếp nhận tất cả công đức gọi là chánh nguyện, nói chánh nguyện này sinh ra đại nguyện. Đại nguyện chính là mười thứ đại nguyện:

1. Nguyện vui vẻ dùng tất cả các thứ cúng dường tốt nhất để dâng cúng các Đức Phật.
2. Nguyện gìn giữ, bảo vệ chánh pháp của các Đức Phật.
3. Nguyện thực hành biết đủ cho đến lúc nhập Niết-bàn thường theo hầu cận.
4. Nguyện thực hành tất cả mọi chánh hạnh của Bồ-tát.
5. Nguyện khắp thành tựu tất cả hữu tình.
6. Nguyện đến tất cả thế giới của các Đức Phật.
7. Nguyện làm thanh tịnh khắp tất cả các cõi Phật.
8. Nguyện cùng Bồ-tát ý ưa thích gia hạnh hưởng đến hội nhập Đại thừa.
9. Nguyện cho xả bỏ tất cả không còn lui sụt, lợi ích chúng sinh

đều không luống uổng.

10. Nguyện mau chóng thành tựu vô thượng Bồ-đề.

Luận Phát Bồ-đề tâm kinh, luận Đại trang nghiêm đều nói là mười, giống nhau về đại thể mà khác nhau ở chi tiết. Trong kinh Bảo Vân nói mười, phần nhiều có khác. Về lực trí cũng vậy, các thuyết có khác nhau nhiều ít, vì rườm rà nên không dẫn ra đầy đủ, tạm thời dựa theo cái chung nhất trong Nhiếp luận và luận Duy thức để giải thích. Thứ ba nương vào năm pháp trong phần trưng liệt, tức là năm đoạn rõ ràng không chỉ ra khoa mục. Ba thứ đầu trong năm phương tiện là bát tế phương tiện, hai thứ sau là hồi hướng phương tiện. Ý ưa thích phiền não, tâm hành khác nhau là vì cứu giúp chúng sinh cần phải nhận thức rõ ý ưa thích và tâm phiền não, các hành tham sân si, tám mươi bốn ngàn các cửa trần lao vốn có khác nhau. Đây là sở đối trị, các môn đối trị tâm đều hiểu biết rõ ràng.

Tiếp theo vì đối trừ phải biết rõ cách đối trừ, tám mươi bốn ngàn các môn công đức tức là năng đối trị. Ra vào tự tại nơi đại định Từ bi là đã biết rõ cách đối trừ, nên đến các đường mà hành hóa lợi ích, nương vào đại Từ bi, ra vào các định, đều khiến cho tự tại hiện bày thần thông rộng lớn. Các Ba-la-mật đều nguyện tu hành, hồi hướng Bồ-đề. Phương tiện tu tập các Ba-la-mật, tất cả Phật pháp nguyện hiểu rõ nhiếp thọ là Bồ-đề Niết-bàn trí đoạn ân đức... nguyện đều chứng đắc liễu đạt nhiếp thọ, đó là nghĩa năng chứng. Nếu ra nguyện ấy, ba nguyện đầu trong năm nguyện là nguyện cầu Bồ-đề, hai nguyện sau là nguyện lợi lạc chúng sinh. Ba nguyện đầu tức là quán xét ba thân, nguyện an trú quán sát tất cả các pháp bậc nhất, tuy quán sát toàn bộ nhưng cũng là quán sát tất cả pháp của tám tướng không sinh không diệt. Lìa chấp an trú ấy tuy gọi là quán trú nhưng chính là dục nguyện, như Bát-nhã hỏi “Phải an trú nơi nào”. Quán sát tất cả các pháp đều chung cho cả năng quán và sở quán. Trí của báo Phật quán sát tất cả pháp, tục đế là lý thú nhiệm mầu nhất và chân đế là lìa cấu thanh tịnh; tức lìa hai chướng, trí năng quán đối với hai đế tâm được an trú. Được là chứng đạt, tức bốn trí của Báo thân. Ở đây nói: Bồ-tát đối với trí năng quán cấu tịnh của Phật cũng nguyện được lạc trú. Vượt quá tất cả các tướng ấy là muốn đạt được pháp thân, nói rằng tâm được an trú thì thể chính là dục lạc (ý thích). Quán sát pháp thân vượt qua tất cả các tướng là gốc rễ của tâm, gốc rễ của tâm chính là chân như. Vô tác là không gây ra phiền não. Vô hạnh là giống như xa lìa ba đời. Bất dị là không có tướng khác nhau trước sau. Bất động là không chuyển dời hoại diệt. Quán sát pháp thân

lìa xa bốn tướng này. Nguyên lạc trú nghĩa là tâm được an trú, vì muốn làm lợi ích v.v... nên nói rằng ở trong tục đế, tức là cơ tánh năng thuyên giáo v.v... vì việc lợi tha cho nên phải hiểu rõ giáo thuyên và căn cơ chủng tánh chúng sinh, đây tức là tục đế, ở trong nguyên lạc tâm được an trú. Đối với Xa-ma-tha v.v... muốn làm lợi ích chúng sinh thì phải nương vào chỉ quán, hiểu rõ các pháp như huyễn, lìa các lỗi lầm, cho nên thì phải thực hành tất cả. Xa-ma-tha Hán dịch là chỉ, Tỳ-bát-xá-na Hán dịch là quán. Khởi dậy nguyên lạc gọi là tâm được an trú. Năm thứ lực ấy trong Du-già chép: “Lực tức là mười lực, trong đó thứ nhất tức là nghiệp dị thực trí lực và biến thú hành trí lực. Thiện ác tức là nghiệp lành và không lành, do đó tâm hành thì đến khắp các đường. Chánh trí là lìa xa các hành tăng thượng mạn, trí hiểu rõ tất cả các nghiệp và ý thú thú hưởng kia, khiến cho hội nhập vào pháp sâu mầu diệu ấy là lậu tận trí lực, biết lậu đã hết hay chưa hết là chứng được vô vi, khiến cho hội nhập vào pháp thâm diệu. Chúng sinh luân hồi là sinh tử sinh trí lực, hoặc biết luân hồi quá khứ cũng chung cho tức trụ trí lực, tùy theo thiện ác hiểu rõ luân hồi sinh tử đúng với thực tế. Ba thứ căn tánh chánh phân biệt tri thì căn tức là căn thắng liệt trí lực, tánh tức là chủng chủng tánh trí lực. Năm là như nghĩa lý vì nói thành tựu độ thoát, chung cho thông cả xứ phi xứ trí lực, tĩnh lự đẳng trí lực, thắng giải trí lực, tu tập được các pháp này tức là tu tập lực, hiểu rõ được các pháp này tức là tư trạch lực. Trong năm trí, ba trí đầu là thành tựu hữu tình, một trí cuối là thành tựu Phật pháp:

1. Có khả năng vì chúng sinh phân biệt thiện ác.
2. Có khả năng khiến cho chúng sinh lìa bỏ hắc pháp, tiếp nhận bạch pháp.
3. Vì lợi ích hữu tình nên đối với sinh tử không nhàm chán, đối với Niết-bàn không ưa thích.
4. Thực hành phước trí đó cho đến chỗ rốt ráo đại Niết-bàn.
5. Ở địa thứ mười thọ nhận địa vị quán đẳng thù thắng, đạt được quả Phật Bồ-đề và các pháp Bất cộng cùng hai trí căn bản và hậu đắc. Mười độ trong đây ở Địa tiền, Địa thượng đều tùy theo từng phần mà tu tập. Thập địa đều nói theo tăng thắng, Thập ba-la-mật-đa dùng năm môn để phân biệt:
 - a. Giải thích tên gọi.
 - b. Nêu ra thể.
 - c. Phế lập.
 - d. Giải thích về tướng

e. Các môn.

Thứ nhất giải thích tên gọi:

Đầu tiên giải thích tên chung, sau đó giải thích tên riêng. Tiếng Phạn là Thỉ-ca ba-la-mật-đa, Thỉ-ca là thập (mười), Ba-la là bỉ ngạn (bờ kia), Mật-đa là ly đảo (lìa xa, đạt đến). Tóm lại gọi là Thập ly đảo bỉ ngạn (mười bến bờ lìa xa và đạt đến). Thập là số đếm, bỉ ngạn có năm:

- Sở tri.
- Giáo.
- Lý.
- Hạnh.
- Quả.

Do mười hạnh này có công năng biết rõ tận cùng tất cả cảnh giới có, không, có công năng hiểu rõ tận cùng tất cả giáo lý năm minh, có công năng thông đạt tận cùng tất cả nghĩa lý chân tục, có khả năng tu tập tận cùng tất cả công hạnh phước tuệ, có khả năng chứng đắc tận cùng quả vị Bồ-đề gọi là đến bờ kia. Bồ-đề đoạn đều gọi là Bồ-đề, Bồ-đề Niết-bàn đều gọi là Bồ-đề. Trong năm loại có đôi chút không cùng tận, không thể gọi là đảo bỉ ngạn. Lìa là lìa xa. Do mười hạnh này xa lìa pháp năm uẩn sinh tử, đạt đến sự hiểu biết về năm thứ bỉ ngạn gọi là thập ba-la-mật-đa. Dựa vào đại Bát-nhã để giải thích như vậy là đối số thích (giải thích theo số). Hoặc trong Vô tánh giải thích nói rằng ở thế gian các hàng Thanh văn Độc giác thực hiện các thiện căn thù thắng bậc nhất có thể đạt đến bờ kia. Vì thế cho nên cùng gọi là ba-la-mật-đa. Nên căn cứ vào tự năng sở đảo để giải thích thì Nhiếp luận phân biệt với tha; bởi vì hàng Nhị thừa không phải đối với năm thứ này đều tu chứng cho nên luận Đại trang nghiêm giải thích theo bốn nghĩa, kinh Giải Thâm Mật và luận Du-già quyển bảy mươi tám dùng năm nghĩa để giải thích, luận Tạp tập mười một giải thích theo mười hai nghĩa, kinh này có mười bảy nghĩa, vẫn nói như ở dưới. Về giải thích tên riêng, trong Nhiếp luận chép: “Lại có thể phá tan tham tiếc, nghèo khổn và có thể dẫn đến đạt được tài vật địa vị phước đức tư lương to lớn, cho nên gọi là Thí. Lại có công năng dứt trừ ác giới, các nẻo ác và có thể nhận được các nẻo lành một cách chắc chắn cho nên gọi là Giới.” Luận Đại Trang nghiêm chép: Khiến cho mát mẻ nên gọi là giới, Nhiếp luận dựa theo sở tri, Đại trang nghiêm căn cứ vào đắc quả, cũng không trái nhau. Ngoài ra những cách giải thích khác nhau đều y theo đây thì biết. Lại có thể dứt sạch tức giận oán thù, và có thể khéo léo an trụ nơi yên ổn cho

mình và người, cho nên gọi là Nhẫn. Lại có thể xa lìa tất cả các pháp không lành, xấu ác, biếng nhác và có thể phát sinh vô lượng pháp lành, khiến cho lớn mạnh pháp ấy, nên gọi là Tinh tiến. Lại có thể dứt trừ tất cả sự tán loạn dao động và có thể dẫn dắt nội tâm về nơi an trú, nên gọi là Tĩnh lự. Lại có thể dứt sạch tất cả kiến thủ, các tuệ tà ác và có thể phân biệt chân thật biết rõ các pháp, cho nên gọi là tuệ. Giải thích rằng: Lúc ở nơi nhân có khả năng phá trừ tiếm lẫn, cũng có khả năng dẫn đến nhiều phước đức tư lương, lúc ở nơi quả có công năng dứt sạch nghèo khổ, đạt được tiền tài địa vị cao lớn, nên gọi là Thí. Các nơi còn lại giải thích về tên khác vẫn từ dễ hiểu, nhưng chỉ giải thích sáu thứ trước không giải thích bốn thứ sau. Theo luận Văn-thù vấn kinh thi các loại sau là vì đối trị mười chướng nên lập nên mười ba-la-mật. Bốn thứ sau nói: Bảy là vì đối trị tâm phiền não nên phát sinh pháp Trợ đạo, tám là đối trị điên đảo, đạo tập thật để trợ đạo nên phát sinh đạo không điên đảo; chín là đối trị tâm pháp không tự tại nên thời, phi thời được tự tại, mười là đối trị tướng hữu ngã nên quán các pháp vô ngã. Đây là ý vào lúc nhân vì đối trị tâm phiền não nên phát sinh tâm trợ đạo, vào lúc quả đạt được pháp trợ đạo, tức là các đạo phẩm, bốn trí tương ứng, các pháp trợ đạo; còn lại y theo đó có thể biết. Đưa ra thể giống như những thứ còn lại. Phân biệt rõ về phế lập, sáu thứ trước khai triển như Nhiếp Đại thừa bảy, luận Đại trang nghiêm bảy, luận Thành duy thức chín, bốn thứ sau trong kinh Giải thâm mật bốn nói: “Cùng với sáu loại trước làm pháp trợ giúp, đối với ba loại trước thâm nhiếp hữu tình đặt để thiện phẩm, nên nói phương tiện cùng với ba thứ làm bạn, bởi vì trong pháp hiện tại nhiều phiền não, nên đối với nội tâm trú không có khả năng chịu đựng... Lại tiếp nhận những điều đó”, cho đến nói: “Do nguyện này cho nên phiền não ít mỏng, có thể tu tinh tiến, vì vậy ta nói nguyện để trợ giúp tinh tiến. Do năng lực này cho nên đối với nội tâm trú có khả năng chịu đựng, nói lực để trợ giúp tĩnh lự. Do trí này có thể dẫn dắt trí tuệ xuất thế cho nên ta nói trí để trợ giúp cho tuệ.” Mục đích này là vì giúp cho sáu thứ trước được thành tựu trọn vẹn cho nên tu tập bốn thứ sau. Hoặc theo Văn kinh-thù-vấn phát Bồ-đề tâm chép: “Vì đối trị mười chướng nên lập ra mười độ” thì sáu thứ trước tức là các tham lẫn..., bốn chướng sau đó là bảy chướng tâm phiền não, tám chướng đạo điên đảo, chín chướng tâm pháp không tự tại, mười chướng tướng hữu ngã. Đối trị bốn chướng sau này nên lập ra bốn thứ độ sau. Hoặc theo Nhiếp luận của ngài Vô tánh thì bốn sau mỗi thứ đều chung cho cả sáu thứ trước. Luận đó chép: “Phương tiện khéo léo, nghĩa là dùng

thiện căn chứa nhóm từ sáu thứ trước cùng với các hữu tình hồi hướng cầu vô thượng chánh đẳng Bồ-đề. Nguyên ba-la-mật-đa đó là phát khởi các thứ đại nguyện nhiệm mầu dẫn dắt tiếp nhận các duyên tốt đẹp ba-la-mật-đa ở vị lai. Lực ba-la-mật, nghĩa là do hai lực tư trạch và tu tập khiến cho sáu loại trước hiện hành không bị đứt quãng. Trí ba-la-mật, nghĩa là do thành tựu sáu thứ trước lập nên diệu trí thọ dụng pháp lạc, thành tựu hữu tình. Các ba-la-mật-đa có nhiều nghĩa, tùy mỗi loại nêu ra một, đều không trái nhau”.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Thế nào gọi là nghĩa ba-la-mật?* Tiếp theo phân biệt rõ về giải thích tên gọi thứ hai trong phần tu hành. Trong đó chia làm hai: Đầu tiên nêu câu hỏi, sau đó giải thích. Đây là nêu câu hỏi.

Văn kinh: *Cái gọi là tu tập thắng lợi là nghĩa ba-la-mật, đầy đủ vô lượng trí rất sâu xa là nghĩa ba-la-mật, hành pháp và phi hành pháp tâm không hề chấp đắm là nghĩa ba-la-mật, lỗi lầm sinh tử, công đức, Niết-bàn, Chánh giác, chánh quán là nghĩa ba-la-mật, người ngu người trí thấy đều được che chở là nghĩa ba-la-mật, thường hiện bày các thế pháp bảo quý giá nhiệm mầu là nghĩa ba-la-mật, vô ngại giải thoát đầy đủ trí tuệ là nghĩa ba-la-mật, pháp giới và chúng sinh giới đích thực phân biệt biết rõ là nghĩa ba-la-mật, các thí và trí có thể khiến cho đạt đến không lui sụt là nghĩa ba-la-mật, vô sinh pháp nhẫn có công năng khiến cho thành thực là nghĩa ba-la-mật, có thể đối với Bồ-đề, thành Phật, mười Lực, bốn Vô sở úy, các pháp Bất cộng thấy đều thành tựu là nghĩa ba-la-mật, sinh tử Niết-bàn hiểu rõ không có hai tướng là nghĩa ba-la-mật, cứu độ tất cả là nghĩa ba-la-mật, tất cả ngoại đạo đến cùng vận hồi khéo léo có khả năng giải thích khiến cho họ bị hàng phục là nghĩa ba-la-mật, quay được bánh xe pháp mười hai diệu hạnh là nghĩa ba-la-mật, không có chấp đắm, không có sở kiến, không lo buồn sầu khổ là nghĩa ba-la-mật.*

Giải thích có mười bảy nghĩa tức là mười bảy đoạn. Văn từng đoạn để biết không cần nhắc lại khoa mục, chỉ dựa theo lần lượt giải thích. Nói về thắng lợi, trong Du-già ba mươi lăm nói chung phát tâm có hai thắng lợi:

1. Đã phát tâm tức là ruộng phước tôn trọng của chúng sinh, tất cả chúng sinh đều nên cúng dường, cũng làm cha mẹ của tất cả chúng sinh.
2. Đã phát tâm tức là có khả năng tiếp nhận phước không nào hại.

Do đó, Bồ-tát thành tựu phước không có sự não hại ấy, được Luân vương hết lòng bảo vệ, ngủ nghỉ được yên lành, loài phi nhân không thể quấy nhiễu, chuyển sang thọ sinh đời khác không hề bệnh hoạn, sống lâu thường ích lợi hữu tình, không phiền nhọc và tổn hại... Hoặc theo Nhiếp Đại thừa nói riêng về thắng lợi rằng: “Sáu thứ như vậy đạt được những thắng lợi, làm sao thấy được? Nghĩa là các vị Bồ-tát trôi lăn trong sinh tử, vì thuộc về giàu sang, vì thuộc về đại sinh, vì thuộc về đại bằng đại thuộc, vì thuộc về sự nghiệp rộng lớn, gia hạnh thành tựu cho nên không có các sự não hại. Tánh thuộc về trần cấu ít ỏi, thuộc về nơi khéo biết tất cả công xảo minh, cuộc đời cao đẹp không có tội lỗi, cho đến lúc ngồi yên dưới cội Bồ-đề nhiệm mầu, thường có thể hiện bày làm tất cả nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, đó gọi là thắng lợi.” Giải thích rằng: Vì thuộc về giàu sang là thí thắng lợi, vì thuộc về nẻo lành nên gọi là đại sinh, là giới thắng lợi, bằng nghĩa là thân quyến, họ hàng, tôi tớ là nhân thắng lợi, sự nghiệp rộng lớn, gia hạnh thành tựu là tiến thắng lợi, sự nghiệp rộng lớn nghĩa là như các Luân vương... động viên sách tiến bên trong gọi là gia hạnh, mọi công việc đều lo liệu cho nên gọi là thành tựu, không hề ngăn ngại, không có các sự não hại, tánh thuộc về trần cấu ít ỏi là tinh lự thắng lợi, khéo biết tất cả mọi điều công xảo minh là tuệ thắng lợi. Trên đây là sáu thứ riêng về biệt thắng lợi. Không có tội lỗi cho đến lúc ngồi yên dưới cội Bồ-đề nhiệm mầu, thường có thể hiện bày làm tất cả nghĩa lợi cho tất cả hữu tình là sáu thứ thông lợi, không giống như chúng sinh ở thế gian có tội lỗi, lại vô biên vô gián cho đến Bồ-đề chẳng phải như thế gian chỉ tự lợi ích cho mình. Thường hiện bày làm nghĩa lợi cho hữu tình nên giống như thắng sinh năng; năm thứ còn lại cũng vậy. Trí Phật vô lượng, hiểu rõ hai không gọi là đại, người khác không thể suy lường gọi là sâu xa, mười thứ này đầy đủ gọi là đến bờ kia, là nghĩa của ba-la-mật. Pháp lành gọi hạnh, pháp không lành gọi là phi hạnh, đây chính là nhân. Đều không chấp đắm tức không hề chấp đắm là nghĩa của ba-la-mật. Quả sinh tử hữu lậu, quả Niết-bàn vô lậu, lỗi lầm sinh tử, công đức Niết-bàn, chánh giác đối với lỗi lầm sinh tử, chánh quán đối với công đức Niết-bàn, hoặc là chánh giác chánh quán cùng chung cho cả hai, là nghĩa của bờ kia. Người ngu ưa thích sinh tử, người trí ưa thích Niết-bàn, bình đẳng lợi ích, bi tâm không giảm bớt gọi là nhiếp thọ. Có khả năng nói bày rõ bày tài sản quý báu của bậc Thánh cho người trí, có khả năng nói bày thí, giới, nhân, cần, định, trí, phương tiện là thế gian, pháp là người trí, tài là người ngu. Hiện là nói bày hoặc chung cho cả hai mà nói khiến cho học hỏi, đây là pháp được chỉ bày.

Hoặc có thể châu báu tức là nương vào định thù thắng hiện bày bảy thứ báu để bố thí cho các chúng sinh. Vô ngại là bốn thứ vô ngại, giải thoát là tám thứ giải thoát, do tám thứ giải thoát có công năng phát ra các thứ thần thông, được bốn thứ vô ngại. Trí tuệ đầy đủ, có thể nói được điều đó, là nghĩa của ba-la-mật. Pháp giới, chúng sinh giới tức là hai thứ trong năm thứ vô lượng, y theo đó có thể hiểu rõ các thứ khác. Bố thí v.v... tức là năm độ trước và trí chính là năm độ sau, đều có thể tu tập đến không lui sụt tức là Địa thứ mười cho đến bờ kia. Vô sinh pháp nhãn là ba vô sinh nhãn, như trước đã giải thích, Sơ địa bắt đầu đạt được, Bát địa tiếp tục đạt đến, có khả năng khiến cho đầy đủ đó là đạt đến Phật địa. Hai thứ trên là tự lợi đã mãn. Tất cả công đức gốc lành của chúng sinh có thể thành tựu thì đó là lợi tha bĩ ngạn. Mười lực hàng phục thiên ma, vô úy hàng phục ngoại đạo, pháp Bất cộng hàng phục Nhị thừa, ba thứ thù thắng này lệ với các công đức khác cũng đều thành tựu đầy đủ, là Bồ-đề ba-la-mật trí đức. Hiểu rõ sinh tử, Niết-bàn không có hai tướng, như thông đạt chân như không khác, đoạn đức của bĩ ngạn không giống như Nhị thừa dùng tâm chấp pháp thấy có hai tướng. Cứu độ tất cả là ân đức, do có đủ vô úy nên ngoại đạo các nạn tiêu tan, khiến được hàng phục, có khả năng phá tà, đến bờ kia. Quay được bánh xe pháp mười hai diệu hạnh là hiển chánh đến bờ kia, mười hai diệu hạnh là ba lần chuyển bốn đế, nương vào khổ đế thấy dứt thị hiện tướng tu đạo, khuyến khích tu vô học, thực hành chứng đắc. Phát sinh tuệ vô lậu gọi là pháp nhãn. Tất cả quá khứ, vị lai, hiện tại dứt bỏ cái ngu kia cho nên trong một sát-na có trí nghĩa chia làm ba đoạn, tức theo thứ lớp gọi là trí, minh, giác. Chấp ba đế còn lại mỗi đế đều có mười hai hành tướng, thành bốn mươi tám hành tướng, vì tướng tự cho nên gọi chung là mười hai diệu hạnh pháp luân, khai triển pháp luân này như Pháp Hoa số. Đối với tất cả không hề chấp đắm, không có đắm nhiễm, không còn sở kiến, không còn dính mắc, không buồn lo sầu khổ, xả bỏ sắc tướng vô thường, đạt được sắc tướng thường còn, thọ tướng hành thức cũng giống như vậy, tức là xả bỏ hẳn hai thứ sầu lo buồn khổ của sinh tử.

Văn kinh: Nay người thiện nam! Bồ-tát Sơ địa là tướng đầu tiên hiện ra thế giới tam thiên đại thiên, vô lượng vô biên các thứ kho báu thấy đều tràn đầy, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Nhị địa là tướng đầu tiên hiện ra thế giới tam thiên đại thiên mặt đất bằng phẳng như bàn tay, vô lượng vô biên các thứ sắc màu nhiệm mầu thanh tịnh, đầy đủ châu báu trang nghiêm, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Tam địa là tướng đầu tiên hiện ra tự thân mạnh mẽ, mặt

áo giáp, cầm khí tượng trang nghiêm, tất cả giặc thù đều có thể đánh tan hàng phục, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Tứ địa là tướng đầu tiên hiện ra phong luân bốn phương, các loại hoa thơm đẹp thấy đều tung rải đẹp đẽ trải đầy trên mặt đất, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Ngũ địa là tướng đầu tiên hiện ra có các cô gái xinh đẹp, các chuỗi anh lạc quý báu đeo vòng trang nghiêm khắp thân thể, đầu đội mũ bằng hoa đẹp để trang sức, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Lục địa là tướng đầu tiên hiện ra ao hoa bảy báu, có bốn thêm đường đi, cát vàng trải khắp, thanh tịnh không như bản, nước tám công đức đều tràn đầy, hoa Uất-bát-la, hoa Câu-vật-đâu, hoa Phân-đà-lợi chỗ nào cũng trang nghiêm, ở trong ao hoa dạo chơi vui sướng mát mẻ không gì sánh được, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Thất địa là tướng đầu tiên hiện ra ở trước Bồ-tát có các chúng sinh phải đọa địa ngục, nhờ năng lực Bồ-tát nên không bị đọa, không bị tổn thương, cũng không sợ hãi, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Bát địa là tướng đầu tiên hiện ra nơi thân hai bên có sư tử đầu đàn để làm hộ vệ, tất cả các loài thú thấy đều kinh sợ, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Cửu địa là tướng đầu tiên hiện ra Chuyển luân Thánh vương và vô lượng ức chúng vây quanh cúng dường, lọng trắng trên đỉnh đầu được trang nghiêm bằng vô lượng các thứ báu, Bồ-tát đều thấy. Nay người thiện nam! Bồ-tát Thập địa là tướng đầu tiên hiện ra thân sắc vàng sáng chói của Như lai, vô lượng ánh sáng thanh tịnh thấy đều trọn vẹn, có vô lượng ức vị Phạm vương vây quanh cung kính cúng dường, quay bánh xe pháp nhiệm mầu vô thượng, Bồ-tát đều thấy. Dưới đây là đoạn lớn thứ ba trong phần trả lời về chứng địa. Do trước đây phát tâm tu hạnh thù thắng lâu dài nên đạt đến chứng địa. Trong đó chia làm năm:

1. Đạt được tướng của địa.
2. Giải thích tên gọi của địa.
3. Nói về chướng ngại của địa.
4. Sự tu hành của địa.
5. Nói về sự tu tập của địa.

Đây là phần đạt được tướng của địa, nghĩa là tướng đạt được lúc mới chứng đắc. Như Nhiếp luận quyển bảy của Vô Tánh cho rằng trong Thập địa thông được bốn tướng, luận chép: “Đạt được các địa này làm sao thấy được? Câu hỏi này do bốn thứ tướng:

1. Được thắng giải, nghĩa là đạt được các địa nên tin hiểu sâu sắc.

2. Được chánh hạnh, nghĩa là đạt được các địa tương ứng với mười thứ, nên pháp hành chân chánh.

3. Được thông đạt, nghĩa là lúc ở Sơ địa thấu suốt pháp giới, thông đạt khắp tất cả các địa.

4. Được thành tựu đầy đủ, nghĩa là tu tập các địa đến chỗ rốt ráo.

Giải thích rằng: Tín hiểu sâu sắc là đối với địa giáo quyết định ẩn khả chân thật như thế. Mười thứ chánh hạnh ấy tức là mười pháp hành, đó là cúng dường, viết chép, giúp người, lắng nghe, mở đọc, tiếp nhận, giữ gìn, giảng nói, tụng niệm và tư tu. Được thông đạt nghĩa là lúc ở Sơ địa thông suốt pháp giới, thông đạt khắp tất cả các địa, nếu lúc ở nơi Sơ địa thông suốt mau chóng thì thông suốt tất cả các địa sau. Chủng loại này giống như có tụng nói: “Như trúc chẻ ở mắt đầu, thì các mắt khác mau chóng chẻ được” là đạt được Sơ địa thì chân trí của các Địa khác sẽ mau chóng thành tựu. Đến chỗ rốt ráo nghĩa là quả phần trong từng Địa một thành tựu trọn vẹn hoặc cuối cùng sẽ đầy đủ; quả phần thành tựu đầy đủ hướng về trước là quả, ở nhân gọi là phần, hoặc cuối cùng sẽ đầy đủ ấy tức là thành tựu Phật quả, là quả vị. Hoặc là nhân rốt ráo của địa thứ mười cho nên gọi là cuối cùng sẽ đầy đủ. Nếu theo luận Đại trang nghiêm quyển mười ba chép: “Vào Bồ-tát địa thì mỗi địa đều có mười tướng. Mười tướng ấy gồm:

1. Minh tín.
2. Vô liệt.
3. Vô khiếp.
4. Vô đãi.
5. Thông đạt.
6. Bình đẳng.
7. Là nghiêng lệch.
8. Là mê đắm.
9. Tri phương tiện.
10. Thánh chúng sinh.

Minh tín là nơi địa của tự mình được sáng tỏ, đối với Phật pháp dứt bỏ những gì vô tri, do đó đối với Địa khác đạt được tín, đối với các địa sau nguyện được ưa thích. Vô liệt là nghe pháp thâm diệu không hề kinh hãi. Vô khiếp là hạnh khó làm nhưng thực hiện vô cùng dũng mạnh mẽ. Vô đãi là khởi hạnh của tự địa không đợi chỉ bảo. Thông đạt là đối với địa khác phương tiện đều có thể khởi lên. Bình đẳng là chúng sinh ở khắp nơi đồng với tâm mình. Là nghiêng lệch là tai nghe lời chê bai hay khen tặng tâm không hề thay đổi. Là mê đắm là được các địa vị

như Luân vương v.v... nhưng không hề ham thích, mê đắm. Tri phương tiện là biết các pháp không thật có, là phương tiện trên hết của Phật. Thánh chúng sinh là và đồ chúng của các Đức Phật thường ở trong sinh. Đây là mười tướng mà mỗi địa đều có, cũng có khi đạt được độ tướng, rộng như luận kia nói, hai văn đó y cứ theo nội chứng tướng, và chung tướng của các địa; kinh này y cứ theo ngoại đắc, tướng riêng của các Địa, do thực hành mười độ nên bên ngoài đạt được tướng này. Thập địa hiện tướng tức là mười đoạn, phân biệt có thể biết.

Hỏi: Các tướng này ở chỗ nào?

Đáp: Tất cả các tướng sẽ đạt được khi hội nhập nơi địa của mình.

Nói rằng trước hiện? Lại giải thích: Tất cả các tướng đạt được lúc mới nhập địa mà nói trước hiện thì còn có nhiều tướng, những tướng trước hiện này không thể trước địa. Nói rằng Bồ-tát Sơ địa v.v... là tướng trước hiện là biểu hiện cho ở Sơ địa có khả năng thực hành tất cả thí độ, bên ngoài khắp đại thiên thế giới hiện các kho báu, có công năng toại nguyện sở cầu cho nên thấy đều đầy đủ. Bồ-tát đều thấy là Bồ-tát từ các địa trên được thấy tướng này, không phải Bồ-tát ở địa dưới thấy được, các địa còn lại đều y theo đó biết được. Ở Địa thứ hai biểu thị chứng lý bình đẳng, giữ gìn tịnh giới, mười nghiệp đạo thanh tịnh cho nên hiện các vật trang nghiêm quý báu thanh tịnh, màu sắc vi diệu. Ở địa thứ ba biểu hiện thực hành ba pháp nhẫn có tướng mạnh mẽ, khoác áo giáp hàng phục ma oán. Ở địa thứ tư biểu hiện thực hành bốn Chánh cần, bảy tịnh, chín tịnh, hoa thơm đẹp rải đầy mặt đất, bảy tịnh đó là giới tịnh, tâm tịnh, kiến tịnh, độ nghi tịnh, đạo phi đạo trí kiến tịnh, hành trí kiến tịnh và hành đoạn trí kiến tịnh, chín tịnh là thêm vô duyên tịch diệt tịnh và tịnh quốc độ tịnh. Ở địa thứ năm biểu hiện thực hành thiền định, lìa bỏ sự ngang bướng có bảo nữ xuất hiện, thiền định có công năng phát sinh giải thoát, ở khắp mọi nơi đều có chuỗi anh lạc trang nghiêm thân mình, thực hành bảy giác phần cho nên đầu đội mũ bằng hoa đẹp. Ở địa thứ sáu, văn nghĩa có tám thứ:

1. Biểu thị thực hành trí độ, trí có bảy loại là: Pháp trí, loại trí, thế tục trí, thần thông trí, tướng trí, thập lực tiền hành trí và tứ đạo lý trung chánh đạo lý trí, cho nên hiện ra hoa bảy báu, từ định xuất hiện do đó hoa báu nường vào ao.

2. Tức là pháp loại trí, nhờ quán bốn đế mà ngộ lý duyên khởi, có bốn thêm đường đi, hoặc nường vào trí phần gia hạnh không gián đoạn giải thoát thắng tiến là bốn thêm đường đi.

3. Chứng đạt như lý xuất hiện cát vàng trải đầy khắp nơi.

4. Lìa bỏ tướng thô chướng ngại thanh tịnh, không uế tạp.
5. Đạt được tám thứ giải thoát, hoặc tám đạo phần, hoặc tám chủng trí hiện nước tám công đức:
 - a) Sạch sẽ.
 - b) Nhẹ nhàng.
 - c) Mát mẻ.
 - d) Mềm mại.
 - e) Ngọt ngào.
 - f) Thơm tho.
 - g) Uống vào không hại cổ họng.
 - h) Uống vào không đau bụng .
6. Bốn trí hiện bày hoa bốn màu xanh, vàng, đỏ, trắng.
7. Đạo chơi vui thích trong vườn pháp.
8. Chứng gió mát vô vi.

Ở địa thứ bảy biểu hiện thực hành phương tiện khéo léo cứu giúp chúng sinh, ở trước Bồ-tát đáng đọa vào đường ác, có thể khiến cho sẽ không đọa, hiện tại không chịu ác báo, do đó không có sự tổn thương, lìa xa sự kinh sợ ở hiện tại và tương lai, như trong kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: “Tánh của Bồ-tát là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, luôn luôn chấm dứt các khổ đau, nhổ sạch các mũi tên ba độc.” Ở địa thứ tám biểu hiện thực hành hai nguyện, hoặc trí vô tướng nhập vận hiện tiền đạt được hai tự tại về tướng và cõi, đối với thân ở hai bên có sự tử hộ vệ, thường khiến cho tất cả phiền não không thể hiện hành cho nên tất cả thú vật kinh sợ. Ở địa thứ chín biểu hiện thực hành lực độ như Luân vương kia có thể lực rộng lớn, bốn biện tài lợi ích chúng sinh, cho nên vô lượng ức chúng vây quanh cúng dường, dùng bốn vô lượng che mát chúng sinh như chiếc lọng... các thứ báu trang nghiêm. Ở địa thứ mười biểu hiện địa vị Quán đảnh sẽ thành tựu Chánh giác, nơi thân Bồ-tát có tướng Như lai hiện bày:

1. Hiện bày thân.
2. Hiện bày ánh sáng.
3. Hiện bày các Phạm thiên.
4. Hiện bày xoay bánh xe pháp.

Đây là ở nơi tự thân không do tác ý mà có các tướng thân Phật. Hoặc theo kinh Bồ-tát Cầu Mạng thì ở mỗi địa đều mộng thấy các tướng; Bồ-tát từ địa thứ tám trở lên không hề ngủ nghỉ làm sao có mộng? Đây là y theo cái thấy của pháp quán như mộng huyễn. Nay ở đây cũng vậy, tuy không tác ý như mộng nhưng tự thân hiện rõ các Phật sự, chẳng phải

y theo cái thấy bên ngoài. Tư Sơ địa trở lên trong sát-na thường được thấy các Đức Phật, hoặc ngoài ra thấy tướng Như lai hiện bày, trong sát-na thấy được Đức Phật kia hiện ra, đây là y cứ theo tự kiến.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Vì sao Sơ địa gọi là Hoan hỷ?*

Tán rằng: Thứ hai là giải thích tên địa. Thành Duy thức quyển chín, Nhiếp luận quyển chín, Đại Trang nghiêm quyển mười ba, kinh Giải Thâm Mật, Du-già, Quyết Trạch... đều giải thích rộng tên gọi, đại ý đều giống nhau, lại có đôi chút khác nhau, rộng hay lược hiển bày lẫn nhau, rất nhiều nên không dẫn ra đầy đủ. Thập địa thì khác, chia làm mười đoạn. Sơ địa chia làm ba:

1. Nêu câu hỏi.
2. Giải thích.
3. Kết luận.

Chín địa còn lại đều chia làm hai, chỉ có giải thích và kết luận. Y cứ theo đây thì đầu tiên nêu câu hỏi này nên nói là vì sao Sơ địa v.v... gọi là Hoan hỷ v.v... lược bỏ chữ Đăng.

Văn kinh: *Nghĩa là đầu tiên chứng được tâm xuất thế mà trước kia chưa đạt được đến nay mới đạt được, đối với đại sự dụng như sở nguyện thấy đều thành tựu, sinh tâm vui mừng vô cùng, vì thế cho nên đầu tiên gọi là Hoan hỷ, các cấu tạp nhỏ nhiệm lỗi lầm phạm giới đều được thanh tịnh, vì thế cho nên Nhị địa gọi là Vô cấu, vô lượng trí tuệ, Tam-muội, ánh sáng không thể làm nghiêng động, không thể nhiếp phục, văn trì Đà-la-ni là căn bản, vì thế cho nên Tam địa gọi là Minh địa, dùng lửa trí tuệ đốt cháy các phiền não, ánh sáng thêm rực rỡ, tu hành các giác phẩm, nên gọi Tứ địa là Diệm địa, tu hành phương tiện thắng trí tự tại rất khó đạt được, do đó phiền não kiến tư khó điều phục có thể điều phục, vì thế cho nên Ngũ địa gọi là Nan thắng, hành pháp nối nhau hiển hiện rõ ràng, hiển hiện vô tướng tư duy thấy đều hiện tiền, thế nên Lục địa gọi là Hiện tiền, vô lậu vô gián, vô tướng tư duy, giải thoát Tam-muội tu hành vượt xa nên địa này thanh tịnh không có chướng ngại, thế nên Thất địa gọi là Viễn hành, vô tướng tư duy tu được tự tại, các hạnh phiền não không thể làm cho lay động cho nên Bát địa gọi là Bất động; nói tất cả pháp, các thứ khác nhau đều được tự tại, không lo lắng không vất vả, trí tuệ thêm lớn mạnh, tự tại vô ngại cho nên Cửu địa gọi là Thiện tuệ, pháp thân như hư không, trí tuệ như mây lớn, đều che phủ khắp nơi nên Thập địa gọi là Pháp vân.*

Tán rằng: Giải thích có hai nghĩa:

1. Tự lợi.

2. Lợi tha.

Đạt được tâm xuất thế tức là hai trí không và tâm tương ứng, gọi là tâm xuất thế, thuộc về lân cận thích. Trước kia chưa đạt được nay mới đạt được là giải thích theo lời mới được. Đây là tự lợi. Đối với đại sự dụng như nguyện thành tựu nghĩa là cái dụng lợi tha, cho nên luận Đại Trang nghiêm chép: “Thấy chân như là thấy tự lợi, trước đây chưa hề thấy lúc này mới thấy, nên cách Bồ-đề không xa; thấy lợi vật nghĩa là thấy lợi tha.” Mỗi sát-na có thể thành tựu một trăm chúng sinh cho nên đây có thể thành tựu trăm loại hữu tình. Theo đó thì biết Bồ-tát vì lợi ích cho chúng sinh nên làm đại sự dụng, như luận Thập địa kinh, Duy-già quyển bốn mươi bảy, Duy thức v.v... đều nói Sơ địa đạt được mười bách môn:

1. Tịnh tín xuất gia, trong khoảng một sát-na chứng được trăm Tam-ma-địa.

2. Dùng thiên nhãn thanh tịnh ở cõi nước các Đức Phật thấy trăm Đức Như lai.

3. Đối với sự biến hóa, trú trì kia đều hiểu rõ, dùng năng lực thần thông lay động trăm thế giới.

4. Thân cũng có thể hiện đến phát ra ánh sáng khiến cho nhìn thấy.

5. Ứng hóa thành trăm loại.

6. Thành tựu trăm loại hữu tình đã hóa độ.

7. Nếu muốn giữ lại thân mạng có thể trụ đến trăm kiếp.

8. Đối với thời gian trước sau có thể biết rõ trăm kiếp.

9. Đối với các thứ uẩn, giới v.v... trăm pháp minh môn luôn suy nghĩ chọn lựa đúng đắn.

10. Hóa hiện trăm thân, mỗi thân đều có thể hiện trăm vị Bồ-tát quyết thuộc. Hoặc tóm lại mười bách (trăm) là đại sự dụng. Rất Sinh tâm vui mừng là lời giải thích về Hoan hỷ, chung cho cả hai thứ trước, văn kết luận có thể biết. Chín địa còn lại văn hiển bày rõ ràng, cũng không lặp lại khoa mục, đều dựa theo địa đầu tiên thì biết. Trong Nhị địa lia hai cấu:

1. Các kết cấu nhỏ nhiệm khởi lên tâm sai khác.

2. Các cấu về phạm giới làm cho ba nghiệp sai phạm, vì vậy trong luận Đại Trang nghiêm chép: “Trong Nhị địa vượt ra hai loại cấu: Một là vượt khỏi phạm giới cấu, tức đây là lỗi lầm phạm giới; hai là vượt khỏi cấu khởi tâm sai khác, tức các cấu nhỏ nhiệm. Lìa xa hai cấu cho nên gọi là Ly cấu.”

Ở đây nói đều được thanh tịnh tức là nghĩa của lia cấu, nói vô lượng trí tuệ là ba tuệ vô lượng văn-tư-tu. Từ định phát sinh nên hiểu rõ mình, hiểu rõ người, luận Đại Trang nghiêm chép: “Vì dùng pháp để hiểu rõ mình, hiểu rõ người nên gọi là Tam-muội quang minh.” Không bị ngoại đạo, tà ma hàng phục gọi là không nghiêng động, đồng thời trừ diệt chướng nên gọi là không nghiêng động, tức là ba tuệ đó dùng định để phát khởi nắm giữ tất cả tức là định tổng trì gọi là căn bản. luận Duy thức quyển chín chép: “Thành tựu định thù thắng vốn là pháp Tổng trì thường phát sinh vô biên ánh sáng trí tuệ nhiệm mầu.” Tuệ đã nói trước đây là Tam-muội quang minh, vì vậy sau chỉ nói tổng trì là căn bản. Văn kết luận có thể biết. Tu Bồ-đề phần trong địa thứ tư, ngọn lửa hừng hực trí tuệ thường đốt cháy củi phiền não nhỏ nhiệm các chướng hiện hành. Luận Đại Trang nghiêm chép: “Trong địa thứ tư dùng tuệ của Bồ-đề phần làm lửa tự tánh, dùng hai chướng hoặc và trí làm của tự tánh, càng tăng thêm ánh sáng thắng trí của giác phẩm, tức là Bồ-đề phần pháp càng tác dụng mạnh hơn.” Trong địa thứ năm hai trí chân, tục hành tương trái nhau hợp lại khiến cho tương ứng, cùng lúc phát khởi gọi là tu hành phương tiện thắng trí tự tại. Lại có thể tiêu trừ cái hại kia kèm theo phiền não xa lia tùy hiện hành gọi là khó điều phục. Tuy cái thấy phân biệt v.v... về kiến đạo đã dứt, thân kiến câu sinh ở địa thứ tư đã dứt, đến trong địa này lại dứt cái kèm theo, đây không hoàn toàn so với ngã kiến, riêng khởi các thứ tham, sân v.v... cũng chung cho cả kiến tư đoạn, nói tóm lại thì phiền não kiến tư khó điều phục mà điều phục được, chẳng phân biệt hoặc ở địa này mới điều phục. Trí chướng của đạo này do phiền não mà gọi là thuyết (nói). Căn cứ vào cái kèm theo đều là sở tri chướng hàng phục không khởi, chẳng phải các câu sinh ở đây đều có thể hàng phục, địa thứ sáu, bảy hàng phục được yếu kém, ngủ nghỉ. Lại dựa vào địa thứ sáu nói, chẳng phải câu sinh địa thứ bảy. Câu sinh ở địa thứ bảy thì địa thứ tám trở lên vẫn hiện hành, cho nên kinh Giải Thâm Mật chép: “Từ địa thứ tám trở lên chỉ có sở y, sở tri chướng tồn tại, địa thứ sáu luôn luôn thường ở trong sự quán sát không thể khởi hoặc. Lại dứt sở tri, nương vào hoặc chướng, cuối cùng cũng điều phục.” Luận Duy thức v.v... căn cứ vào hai thứ thân kiến mà nói kiến tư hoặc ở địa thứ tư đã trừ, kinh này y cứ theo tham v.v... nên nói địa thứ năm điều phục kiến tư hoặc, đều nương vào một nghĩa, không trái ngược nhau.

Hỏi: Theo các chỗ nói từ Sơ địa trở lên thì tất cả phiền não có thể điều phục hết sạch do cố ý sinh, tại sao các ngã kiến ở địa thứ tư có thể

điều phục, phiền não kèm theo ở địa thứ năm có thể điều phục?

Đáp: Nếu căn cứ vào sự có thể điều phục ở Sơ địa tức là có thể vẫn cố ý sinh khởi, nay nương vào điều phục hẳn cho nên ý không thể làm cho sinh khởi. Đây là do dứt trừ sở y, sở tri kia cho nên có sự khác nhau. Trong này có hai cái khó:

1. Kết hợp được hai trí là khó.

2. Điều phục được phiền não là khó. Địa này đều đạt được cho nên gọi là Nan thắng.

Lại theo luận Đại trang nghiêm thì có hai cái khó thối lui:

1. Siêu năng hóa độ tâm chúng sinh không còn phiền não là khó.

2. Chúng sinh không thay đổi tâm không còn phiền não là khó.

Đây là ý hai điều khó thối lui, thối lui nghĩa là xả bỏ, rất khó xả bỏ. Bồ-tát ở Địa này có thể xả bỏ hai điều khó, đối với điều khó mà đạt được thắng lợi nên gọi là Nan thắng. Ý này tức là nghĩa có thể xả bỏ điều khó xả bỏ, giống như khó điều phục mà điều phục được. Luận kia y cứ theo điều khó về lợi tha mà được thắng, kinh này căn cứ theo điều khó về tự lợi mà được thắng, đều căn cứ theo một nghĩa, hoàn toàn không trái ngược nhau. Hoặc có thể, trong đây tu hành phương tiện rất khó đạt được, tức là hai điều khó về thắng trí tự tại kia rất khó đạt được, tức ở chỗ khác kết hợp hai trí chân tục, một thì rất khó đạt được cho nên chung cho cả hai chỗ thì đều thấu nhiếp hết. Trong địa thứ sáu thường quán đạo lý mười hai nhân duyên, nối nhau không xen hở gọi là hành pháp nối nhau, trí thường quán sát đúng đắn gọi là liễu liễu. Đây là gia hạnh lại có thể dẫn khởi trí vô phân biệt, gọi là vô tướng tư duy, tư duy tức là chánh trí thấy đều hiện tiền. Luận Thành Duy thức chép: “Trú ở trí duyên khởi dẫn dắt Bát-nhã tối thắng vô phân biệt luôn luôn quán ở trước mắt”, theo Đại trang nghiêm chép: “Trong Địa thứ sáu nương vào Bát-nhã lực có thể không trụ vào sinh tử, Niết-bàn, hai pháp thường hiện tiền, cũng trong vô tướng tư duy này nhiếp thọ nên không có hai thứ tướng sinh tử, Niết-bàn.”

Hỏi: Theo văn các chỗ khác thì trong địa thứ năm không còn hai tướng Niết-bàn và sinh tử, chứng được vô trú, vì sao luận Đại trang nghiêm nói ở địa thứ sáu?

Đáp: Các chỗ khác y cứ vào tạm thời có thể nói ở địa thứ năm, ở đây y cứ theo nhiều nơi nói ở Địa thứ sáu. Luận Duy thức v.v... chép: “Trong địa thứ sáu quán nhiều về vô tướng, ít quán về hữu tướng. Trong địa thứ bảy đối với lý vô tướng nối nhau trong thời gian dài, dùng chân trí quán xét không còn hai thứ sinh diệt nhỏ nhiệm, vô tướng tư duy tức

là trí vô phân biệt.” Trong đây, lẽ ra nên nói đối với lý vô tướng vô lậu tư duy không xen hở, phân biệt với hữu tướng gián đoạn ở Địa thứ sáu, bởi vì trải qua nhiều thời gian mới đến nơi địa này. Kinh Giải Thâm Mật chép: “Có thể chứng nhập sâu xa vô tướng tác ý không xen hở không thiếu sót.” Giải thoát là tám giải thoát, Tam-muội là ba thứ Tam-muội, tức là vô tướng tư duy vô tướng giải thoát Tam-muội, đều tu hành sâu xa đến tận cùng của công dụng. Luận Duy thức chép: “Đạt đến vô tướng trụ nơi tận cùng của công dụng, vượt xa thế gian và đạo Nhị thừa. Ba địa đầu tu tập giống như thế gian tu hạnh thí, giới, địa thứ tư, năm, sáu tu tập ở đạo phẩm, bốn đế duyên khởi giống như Nhị thừa.” Vì sự xuất ly kia cho nên gọi là Viễn tu hành, là tướng nhỏ nhiệm chướng ngại hiện hành, nên gọi là Thanh tịnh vô chướng. Trong địa thứ tám đối với quán vô tướng nhậm vận phát khởi nên gọi là Vô tướng tư duy. Tu được tự tại hoàn toàn là quán vô lậu không còn phiền não khuấy động nên nói các phiền não hiện hành không có thể làm cho lay động, tức là hai thứ bất động:

1. Tướng dụng bất động, tướng là tướng hữu vô, dụng là công dụng.
2. Phiền não không khuấy động.

Luận Duy thức chép: “Trí vô phân biệt nhậm vận hiện tiền, nên tướng dụng phiền não không có thể khuấy động.” Luận Đại trang nghiêm chép: “Nhưng không bị tướng và công dụng khuấy động, không thể không bị phiền não khuấy động.” Luận ấy nói lược trong địa thứ chín nhậm vận có thể đạt được, bốn trí vô ngại nói tất cả pháp, gồm chung cho cả bốn biện tài, đều được gọi là thuyết (nói). Dùng các thứ danh ngôn khác nhau để nói, dùng các nghĩa lý khác nhau để nói, dùng các thứ âm thanh khác nhau để nói, dùng các thứ biện tài khác nhau để nói, do nhậm vận nên đều được tự tại, lia hai ngu chướng nên nói là không có lo lắng sợ hãi. Lại có thể làm cho mình và người đạt được: Trí tuệ, tự tại, bốn Biện tài, đều được thêm lớn, cho nên gọi là Thiện tuệ. Lại nữa, bốn Biện tài có công năng dứt nghi gọi là Thiện tuệ. Ở địa thứ mười pháp thân đạt được như hư không rộng lớn, vì trí tuệ rộng lớn như mây đầy khắp hư không tức là trí đầy khắp pháp thân. Lại giống như mây, pháp tức là như mây, vì thường che kín tất cả. Lại nói pháp mầu như mây đổ mưa, tức pháp là mây. Pháp chung cho cả pháp thân và pháp sở thuyết, theo luận Đại trang nghiêm chép: “Do Tam-muội môn và Đà-la-ni môn thâm nhiếp tất cả những gì nghe được huân tập làm nhân đầy khắp trong thức A-lại-da, giống như mây bông bênh khắp nơi giữa hư không. Có thể đem

cái nghe này huân tập như mây vào trong từng sát-na, trong mỗi tướng mỗi vẻ đẹp mỗi lỗ chân lông mưa xuống vô lượng vô biên cơn mưa pháp, đầy đủ tất cả có thể hóa độ chúng sinh, do có thể như mây mưa cơn mưa pháp cho nên gọi là Pháp vân địa.” Đây tức là thức A-lại-da như hư không, cái nghe vô lậu huân tập như mây. Đây là ý A-lại-da có khả năng chứa đựng rộng lớn như hư không, hạt giống có thể sinh hiện như mây đổ mưa xuống, dùng định tổng trì tất cả huân tập thâm nhiếp những gì còn lại, lúc hiện hành phát khởi lại có thể nói pháp, nhưng lời trước đây do Tam-muội môn và Đà-la-ni môn thâm nhiếp tất cả những gì nghe được huân tập làm nhân, dùng định và tổng trì thâm nhiếp nghe được huân tập. Y theo ở dưới nói dùng cái nghe này huân tập như mây tức là nói đến tất cả hai thứ huân tập kia. Không như vậy làm sao trước đây nói đầy khắp trong thức A-lại-da? Hoặc các luận Du-già, kinh Giải Thâm Mật v.v... cũng vậy, to lớn như hư không đầy khắp tất cả, trí này như mây luôn luôn che phủ khắp nơi, như hư không rộng lớn. Luận Thành Duy thức chép: “Mây trí đại pháp gồm chứa nước các công đức, che kín như hư không rộng lớn đầy khắp pháp thân.” Hư không có ba nghĩa:

1. Pháp thân như hư không vì khắp nơi thanh tịnh.
2. A-lại-da như hư không vì khắp nơi gồm chứa tất cả các loại.
3. Rộng lớn như hư không nên đầy khắp tất cả.

Mây có ba nghĩa:

- Nghe và huân tập giống như mây.
- Trí tuệ như mây.
- Từ bi như mây.

Tức trong kinh Thập địa chép: “Tự theo nguyện lực phát khởi mây đại Từ bi.” Dựa theo tự lợi và quyết trạch lại nói là mây trí tuệ, dựa theo lợi tha che mát tức là nói Từ bi, hai điểm này là nói theo hiện hành. Nếu căn cứ vào tương lai có thể mưa pháp công đức thì hai thứ hạt giống như mây, giống với luận Bát-nhã của ngài Vô Trước: “Vị lai như mây cho nên đều không trái ngược nhau.”

Hỏi: Thập địa này tức là trụ thứ mười trong mười ba trụ, trụ và địa, hai tên gọi này có gì khác nhau?

Đáp: Theo luận Đại trang nghiêm đại khái giải thích không có gì khác nhau. Luận ấy chép: “Mười một trụ ấy tức là mười một địa, trụ ấy gọi là địa; trụ ấy đã gọi là địa, rõ ràng biết rằng không hề khác nhau.” Một cách giải thích khác: Trụ và địa tên gọi khác nhau.

Luận đó tự hỏi rằng: Sao gọi là địa?

Kệ nói: *Vì chứa nhóm các gốc lành, lạc trú nên nói trú, số số vô hạn, lại dùng địa làm tên.*

Theo giải thích thì hai câu đầu giải thích về tên gọi của trụ, hai câu sau giải thích tên gọi của địa. Nói các Bồ-tát thành tựu các thứ gốc lành, đối với tất cả thời lạc trú tất cả Địa, cho nên các địa gọi tên là trụ; Bộ-di-da gọi là địa, Bộ nghĩa là thường thường, Di nghĩa là thật số, Da là nghĩa vô úy. Muốn tiến lên địa trên phải lần lượt dứt trừ chướng ngại, lần lượt đạt được các công đức, đó là nghĩa của thường thường. Địa lấy mười số làm hạn lượng, trong từng địa một biết dứt trừ những chướng ngại như vậy, biết đạt những công đức như vậy; biết rõ điều này không luống dối, đó là nghĩa của thật số. Địa trên là nơi vô úy, các Bồ-tát ở trong địa của mình lui sụt công đức của mình và người, tiến tới mong cầu địa trên, đó gọi là nghĩa của vô úy, vì ba nghĩa này nên gọi là địa.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Chấp đấm có tướng ngã pháp là vô minh, sợ hãi sinh tử đường ác là vô minh, hai vô minh này chướng ngại đối với Sơ địa.*

Tán rằng: Đây là thứ ba nói về chướng ngại của địa. Bởi vì nói về chướng ngại của mười một địa, trước là hỏi về Bồ-đề, chung cho cả quả Phật, ở đây cũng nói về sự chướng ngại đối với Phật địa. Mười một chướng ngại này tức là mười một đoạn; đây là đoạn đầu tiên, tức là chướng ngại về Di sinh tánh, văn chia làm ba phần:

1. Nhắc lại thỉnh cơ.
2. Đưa ra thể chướng.
3. Giải thích về sở chướng.

Mười chướng còn lại văn đều có hai, trừ sở chướng bày tỏ cơ nghi. Có tướng ngã pháp tức là cảnh của hai chấp. Tướng nghĩa là tướng trạng, tâm năng chấp là tình tướng trạng, tức đồng với luận Duy thức, cho rằng khởi tướng tự tâm, hoặc tức là thể tướng, chấp đấm tức là tâm năng chấp. Chấp đấm ngã pháp này thấy đều có thể, giả sử chấp pháp vô lại chấp tướng hữu, vô vì thế nên kinh nói “không nên trụ vào pháp, cũng không trụ vào phi pháp”. Phi pháp là không có pháp, như chấp rằng ngã không có cũng là pháp chấp. Hai chấp là tuệ đều vô minh, gắng gượng gọi là vô minh, thuộc về lân cận thích. Sợ hãi sinh tử đường ác là vô minh, đường ác ở đây nói chẳng phải chỉ riêng ba đường ác mà chung cho cả tám nạn, nhưng phân biệt nghiệp không lành phát khởi và quả sở cảm cùng với sở tri chướng, sở phát nghiệp quả cũng chính là thuộc về ở đây, tên gọi hủy trách được gọi chung là đường ác. Do đó kinh này nói “sinh tử đường ác chẳng phải chỉ chỉ cho ba đường”.

Nói sợ hãi tức là đường ác này chính là sự sợ hãi gọi là sợ hãi. Vô minh này phát khởi phàm vô minh cho nên gọi là vô minh. Lại trong luận Duy thức chép: “Hoặc nói đến chướng lợi, độn kia phân biệt đều khởi lên hai thứ ngu, hai chấp vô minh là ý nói đến lợi phàm, đường ác vô minh là ý nói đến độn phàm. Đều khởi vô minh gọi là đường ác cũng gọi tên là hủy trách. Hoặc thấy những người mê lý không phát khởi nghiệp ác, những người độn căn mê sự cho nên nghiệp ác phát sinh; y theo quả đặt tên gọi nên gọi là đường ác tạp nhiễm ngu.” Ngu là cội rễ vì vậy đều thuộc về y chủ thích.

Hỏi: Luận Duy thức chép: “Một chấp đấm ngã pháp là ngu”, tức là chướng dị sinh tánh trong đây, vả lại chướng dị sinh tánh không thể tương ứng giả tạm, dựa vào chủng phần vị chẳng phải là chủng thể, sao nói hai chấp tức là dị sinh tánh?

Đáp: Dị sinh tánh tuy thật sự chung cho cả y, cùng với bản thức hiện tại là đồng địa, có thể phát sinh phân biệt hai chướng ở trong lập nên trên chủng tử. Từ pháp năng y để lập ra tên gọi của chướng, hoặc ngay nơi dị sinh tánh thuận theo chủng loại của chấp sở y gọi là chấp đấm ngã pháp ngu. Thể không phải là ngu, những người ngu gọi là ngu, như trước đã dẫn chứng.

Hỏi: Sơ địa có khả năng dứt bỏ hai chấp phân biệt, các luận như luận Duy thức v.v... kia vì sao không ngay nơi ấy dùng tự thể của hai chấp để lập ra tên gọi của chướng; hoặc theo năng sở y để lập ra tên gọi của chướng?

Đáp: Dị sinh tánh diệt di tức là dứt bỏ hai chấp. Lại nữa, tên gọi dị sinh là để phân biệt khác với Thánh, chứng Thánh dứt bỏ chấp ấy hiển bày tánh ấy cho nên lập thành tên gọi.

Hỏi: Vào giai vị Sơ địa đã dứt bỏ hai chướng, vì sao Nhiếp luận nói mười vô minh là không nhiễm ô phân biệt ngã chấp là nhiễm ô?

Đáp: Trong Nhiếp luận của Thế Thân giải thích rằng: “Tuy dứt bỏ hai chướng, Nhị thừa cũng có thể dứt bỏ phiền não chướng, là cộng đức cho nên ý dựa theo bất cộng sở tri chướng mà nói tên là không nhiễm ô.” Lại giải thích: Luận ấy nói bất nhiễm là y theo tu đạo dứt bỏ mười chướng, nói mười vô minh là ý nói lập nên mười địa. Luận Thành Duy thức nhiếp của Thiên Thân luận đều có hai cách giải thích, hai mươi hai ngu vốn nói về thể tánh giống với Du-già quyển bảy mươi tám. Lại theo các văn khác đều nói ở Sơ địa dứt trừ hai ngu và thô trọng kia. Ở đây lược bỏ không nói về thô trọng. Luận Thành Duy thức có hai cách giải thích về điều đó, luận chép: “Nói về thô trọng kia để hiển rõ

hai thứ khác, hoặc hai nơi phát khởi không có khả năng tùy theo tánh.” Không có khả năng tùy theo tánh, trong Du-già quyển năm mươi tám chép: “Đó là các tánh không yên ổn trong thức thứ tám”, luận Duy thức chép: “Như vào trong hai định nói dứt trừ gốc khổ, gốc lành dứt bỏ tuy chẳng phải là hạt giống hiện tại nhưng gọi là thô trọng.” Ở đây lẽ ra cũng như vậy, mười thứ ngu và thô trọng còn lại đều y theo đây mà biết được. Giải thích về dị sinh tánh và thô trọng rộng như trong Thành Duy thức nghĩa đăng.

Văn kinh: *Học xứ nhĩ nhiệm, giữ gìn chớ phạm vô minh, phát khởi các thứ nghiệp hành vô minh, hai vô minh này chướng ngại ở địa thứ hai. Chính tà hạnh chướng là Sở tri chướng. Một phần câu sinh có thể làm cho Bồ-tát sai lầm trái phạm ba nghiệp. Từ Sơ địa trở lên tánh giới thành tựu, chắc chắn không cố phạm vào tánh, lỡ có trái phạm thì Sơ địa chưa đoạn vào địa thứ hai sẽ đoạn. Phát khởi các thứ nghiệp hành vô minh là ở đó lỡ trái phạm khởi lên ba nghiệp.*

Luận Duy thức chép: “Một phần câu sinh trong sở tri chướng và khởi lên những sai lầm trái phạm ba nghiệp kia, điều đó chướng ngại thanh tịnh giới ở địa thứ hai, lúc vào địa thứ hai liền có thể dứt đoạn trừ hẳn.” Do đó địa thứ hai nói dứt trừ hai ngu và thô trọng khác:

1. Nhỏ nhiệm ngộ phạm ngu, tức là một phần câu sinh trong đây.
2. Chủng chủng nghiệp thú ngu, tức là phát khởi những sai lầm trái phạm ba nghiệp kia.

Năng khởi ba nghiệp chẳng những là vô minh, sở khởi ba nghiệp cũng chẳng phải là ngu. Ngu tương ứng ngu, phẩm loại ngu khởi đầu gọi là ngu. Luận Thành Duy thức lại chép: “Hoặc chỉ khởi nghiệp, không rõ nghiệp ngu.” Ý này chỉ chọn lấy năng khởi, năng mê, mê mờ cái ngu của ba nghiệp, cũng đều thuộc về y chủ thích.

Hỏi: Luận Thành Duy thức quyển tám chép: “Sở tri chướng không thể phát khởi nghiệp” vì sao lại nói có thể phát khởi ba nghiệp?

Đáp: Dựa theo không thể phát khởi dẫn đến nơi sinh ra dị thực quả nghiệp mà nói rằng không phát khởi nghiệp. Nếu không thể dẫn đến tất cả ba nghiệp thì sở tri chướng này hoàn toàn có thể phát khởi. Luận Phật địa có nêu hai Thể đều nói đó là Sở phát nghiệp và sở đắc quả, quả là hai quả Đăng lưu và Tăng thượng, vì thế không trái nhau.

Văn kinh: *Chưa đạt được khiến cho đạt được, ái trước vô minh, làm chướng ngại tổng trì thù thắng là vô minh, hai vô minh này chướng ngại địa thứ ba. Tức là chướng ám độn. Chưa đạt được nay đạt được tức là định vô lậu thù thắng, chung cho cả cõi Sắc, Vô sắc và tu tuệ*

thù thắng, trong địa thứ hai không có, lúc vào địa thứ ba có thể dứt trừ chướng đó.

Thể chính là tham của cõi Dục, đều là sở tri chướng, nên nói chưa đạt được nay đạt được. Thường chướng ngại tổng trì thù thắng, Tổng trì có bốn, đó là: Pháp, nghĩa, chú, đặc Bồ-tát nhãn lúc vào địa thứ ba có thể dứt trừ chướng đó. Tổng trì niệm tuệ làm tánh, ở đây chép: Hai địa đầu từ khi vào địa thứ ba có thể dứt trừ chướng ngại của Định, đạt được Định thù thắng phát khởi tu tuệ thù thắng; dứt trừ chướng ngại Tổng trì, đạt được Tổng trì thù thắng, phát khởi được hai thứ tuệ thù thắng của văn tư. Trong Thành Duy thức chép: “Do vậy địa thứ ba nói đoạn trừ hai ngu và thô trọng khác:

1. Tham dục ngu, tức là điều chướng ngại của Định thù thắng và tu tuệ.

2. Viên mãn văn trì Đà-la-ni ngu, tức là chướng ngại tổng trì văn tư tuệ, đây là bởi vì tánh tham dục làm cho tán loạn. Sở tri chướng và tham dục này đều gọi là tham dục, do đó chướng ngại định thù thắng và tu tuệ. Nếu chướng ngại tổng trì và văn tư tuệ thì đó là biệt sở tri, chẳng phải là sở chướng, nghĩa chia làm hai. Lại nữa, văn tư và văn trì gần nhau cho nên chỉ nói sở tri chướng, chẳng phải không chướng ngại tu tuệ, đều thuận theo đó nói thêm.

Văn kinh: ***Ưu thích đẳng chí là ưa thích vô minh, ưa thích tịnh pháp vì nhiệm mâu là vô minh, hai vô minh này chướng ngại đối với địa thứ tư. Tức là phiền não nhỏ nhiệm hiện hành chướng. Đẳng chí tức là định thù thắng, ưa thích là ái hỷ duyệt thuộc về thọ, tức là lãnh thọ cái Định thấp hèn làm chướng ngại tu tập Định thù thắng, vì vậy gọi là thắng chướng.***

Các chỗ khác phần nhiều nói tham, kinh này bao gồm thọ tức là chánh chướng thể. Tham duyên theo thọ này nhận sự lãnh thọ về định nên đều gọi là chướng, hoặc hỷ duyệt này chính là định ái, tịnh pháp nhiệm mâu là Bồ-đề, pháp ái tức là lạc, thể tức là tham, hai vô minh này là hai tham kia, tương ứng với vô minh. Trong luận Thành Duy thức chép: “Đẳng chí ái ngu”, tức là định ái trong đây đều như vậy, “Pháp ái ngu”, tức là pháp ái trong đây cũng đều như thế, cũng thuộc về y chủ thích. Hai chướng này ở địa thứ tư có khả năng dứt trừ, bởi ở địa thứ tư thực hành quán Bồ-đề phần pháp. Vì vậy luận Duy thức chép: “Bồ-đề phần pháp đặc biệt trái ngược với kia, trong đây nói Định cũng bao gồm tuệ.” Nói Bồ-đề phần pháp cũng có giáo pháp và các thắng pháp khác cùng trí tuệ cao siêu khác. Đối với địa thứ ba tuy chứng được Định thù

thắng và các giáo pháp thù thắng, nhưng vẫn còn sinh khởi ái trước chưa thể đạt được thực hành quán Bồ-đề phần pháp, vì vậy vào địa thứ tư thực hành quán Bồ-đề phần pháp, đặc biệt trái ngược với điều đó cho nên vào địa thứ tư có khả năng dứt trừ hai chướng kia, nói rộng như trong luận Thành Duy thức.

Hỏi: Thế nào là đặc biệt trái ngược?

Đáp: Vì địa thứ tư tu tập Bồ-đề phần pháp, đầu tiên thực hành bốn niệm trụ, quán tất cả các pháp đều vô ngã, vì thế đặc biệt trái ngược với ngã chấp kia cho nên dứt bỏ phiền não nhỏ nhiệm hiện hành chướng. Chướng này chính là câu sinh thân kiến. Các định pháp ái, các hoặc tương ứng và tùy phiền não lại làm pháp hoại duyên, niệm xứ quán, đặc biệt trái ngược với các định pháp ái kia. Lại ba địa trước bắt đầu đạt được định thù thắng và giáo pháp thù thắng cho nên có ái trước. Địa thứ tư này lại đạt được pháp thù thắng do đó có thể dứt trừ chướng kia, lại có thể chứng được vô nhiễm thọ, giống như đặc biệt trái ngược với chướng kia.

Hỏi: Các vô minh đầu tiên ở chỗ khác đều là tên gọi của chướng, vì sao Đẳng chí ái không phải là tên gọi của chướng?

Đáp: Biết rằng mười chướng vô minh trong đây lại làm hiển rõ lẫn nhau, như các chướng đầu tiên chỉ nói về các ngã pháp, căn cứ theo thực tế thì chung cho các hoặc còn lại, nhưng các chướng ở địa thứ tư hiển bày không chỉ một pháp, tức nói chung rằng phiền não nhỏ nhiệm v.v... Căn cứ vào sự khác nhau của thắng chướng thì nên nói ngã kiến và nhị ái. Dựa theo cái chung cho nên nói chung, hai mươi hai thứ vô minh phần nhiều là nói riêng. Các định ái này không thể là tên gọi của mười chướng, các trường hợp khác cũng như vậy.

Văn kinh: ***Muốn thoát khỏi sinh tử là vô minh, mong mỗi đến Niết-bàn là vô minh, hai vô minh này chướng ngại đối với địa thứ năm. Tức là cái ngu muốn thoát khỏi sinh tử. Mong mỗi đến nơi Niết-bàn tức là cái ngu ưa cầu Niết-bàn.***

Vì không hiểu rõ thể chân thật của sinh tử và Niết-bàn không có gì khác nhau cho nên có sự ưa cầu, chán bỏ, đây chính là đối với chướng bát Niết-bàn tâm thường lại thực hành quán Bồ-đề phần pháp thù thắng, không thể chứng được vô sai biệt như là chướng của địa thứ năm. Lần lượt nói về chướng đều theo đây thì biết. Bởi vì ở địa thứ năm thực hành quán bốn đế cùng hai trí chân tục kết hợp khiến cho thực hành song song. Do có thể chứng được vô sai biệt như trí năng chứng gọi là vô sai biệt đạo, cho nên luận Thành Duy thức chép: “Chướng ấy

làm chướng địa thứ năm, vô sai biệt đạo lúc vào địa thứ năm thì có khả năng dứt trừ hẳn cho nên có thể trừ sạch chướng kia.”

Văn kinh: ***Quán hành lưu chuyển là vô minh, thô tướng hiện tiền là vô minh, hai vô minh này chướng ngại địa thứ sáu.***

Quán hành lưu chuyển tức là duyên theo khổ tập vô minh; thô tướng hiện tiền tức là quán về tịnh tướng của diệt đạo, đây tức là thô tướng hiện tiền chướng. Bởi vì trong địa thứ năm quán về bốn đế, tuy cũng thực hành vô tướng nhưng nhiều lúc thực hành quán về hữu tướng, chướng ngại đối với địa thứ sáu phần nhiều là quán vô tướng, cho nên vào địa thứ sáu có thể dứt trừ chướng này.

Văn kinh: ***Các tướng nhỏ nhiệm hiện hành là vô minh, tác ý mừng vui về vô tướng là vô minh, hai vô minh này chướng ngại địa thứ bảy.***

Tức là tế tướng hiện hành chướng. Các tướng nhỏ nhiệm tức là hình tướng sinh ra thật nhỏ nhiệm, tác ý mừng vui về vô tướng tức là quán tướng diệt đi thật nhỏ nhiệm. Do ở địa thứ sáu thực hành quán duyên khởi thấy có sinh diệt, nó chướng ngại diệu vô tướng đạo của địa thứ bảy, không thể ngay nơi không phát khởi hạnh thù thắng, vì vậy vào địa thứ bảy mới dứt trừ chướng đó.

Văn kinh: ***Đối với vô tướng quán công dụng là vô minh, chấp tướng tự tại là vô minh, hai vô minh này chướng ngại địa thứ tám. Tức là chướng tác gia hạnh trong vô tướng.***

Ở địa thứ bảy tuy có thể thực hành quán vô tướng lâu dài, phải gia thêm công dụng mới đạt được. Lâu dài có cái ngu gia hạnh, do ngu chưa dứt bỏ cho nên phát khởi gia hạnh, trong quán vô tướng không được tự tại. Chấp tướng chính là ở địa thứ bảy tuy hiện bày tướng độ nhưng có chấp đắm về tướng chủng, đối với tướng độ hiện tại cũng không thể tự tại, không thể tự tại là nói chung vô tướng. Lại có bốn tự tại là: tướng, độ, trí, nghiệp. Ở địa thứ tám đạt được hai tự tại là tướng-độ, Địa thứ chín đạt được trí tự tại, Địa thứ mười đạt được nghiệp tự tại. Tướng tức là tùy ý muốn hiện bày các thứ vàng bạc..., là rộng rãi về chủng loại. Độ tức là tùy theo ý muốn hiện bày, hoặc là cõi lớn nhỏ rộng hẹp đối với tướng, nay nói tướng tức là được thấu nhiếp về cõi, vì vậy vào Địa thứ tám có thể dứt được chướng đó.

Hỏi: Đã vào địa thứ tám thì vô tướng tự tại, vì sao đắm say vắng lặng không muốn lợi ích chúng sinh?

Đáp: Nói tự tại là y theo vô công dụng nhậm vận có thể phát khởi tự lợi mà nói, không y cứ vào lợi tha cho nên không trái nhau.

Văn kinh: ***Đối với nghĩa sở thuyết và tên gọi văn cú, hai vô lượng***

này chưa đạt được khéo léo là vô minh, đối với từ ngữ biện tài không thể tùy ý là vô minh, hai vô minh này làm chướng ngại địa thứ chín.

Tức là chướng bất dục hành trong lợi tha. Nghĩa Sở thuyết nghĩa là vô ngại giải, và danh cú văn pháp vô ngại giải. Đối với hai thứ này chưa thể tự tại gọi là chưa đạt được khéo léo. Đối với từ ngữ đó là âm thanh của các phương. Do đó, luận Thành Duy thức chép: “Pháp dựa theo tên gọi, từ ngữ duyên vào âm thanh, cho nên từ ngữ là âm thanh. Biện tài tức là bảy thứ biện tài, đối với âm thanh hiện tại và bảy thứ biện tài không thể tự tại cho nên nói là không thể tùy ý. Bởi vì Địa thứ tám đối với việc lợi tha không muốn thực hành, chưa thể dứt trừ bốn cái ngu vô ngại này, do đó vào địa thứ chín thì có thể dứt hẳn.

Văn kinh: ***Đối với đại thần thông chưa được tự tại là vô minh, nhỏ nhiệm bí mật chưa thể giải ngộ sự nghiệp là vô minh, hai vô minh này làm chướng ngại địa thứ mười.***

Tức là chướng bất đắc tự tại đối với các pháp. Năm thứ thần thông hơn hẳn hàng Nhị thừa và Bồ-tát Địa tiền, lại có thể mở rộng lợi ích đạt được tự tại, cho nên gọi là đại thần thông. Biến nghĩa là chuyển đổi hiện nghĩa là hóa hiện, không mà chợt có. Nhỏ nhiệm bí mật có mây đại pháp trí và các pháp chứa đựng, tế là diệu, tức là vi diệu, bởi vì lia chướng ngại nên rất khó đạt được. Khó hiểu gọi là bí mật, chưa thể giải ngộ thì gọi vô minh. Sự nghiệp đó là sự nghiệp lợi sinh, ở địa thứ chín bị vô minh này làm chướng ngại, cho nên vào địa thứ mười liền có thể dứt hẳn.

Văn kinh: ***Đối với tất cả cảnh giới nhỏ nhiệm sở tri chướng ngại là vô minh, phiền não thô trọng rất sâu xa là vô minh, hai vô minh này làm chướng ngại Phật địa.***

Tức là chướng thứ mười một. Không hữu, lý sự gọi là tất cả cảnh, trí Diệu quán sát quán như la học (lạ trơn, sa tanh). Đây tức là vì có sở tri chướng nhỏ nhiệm chung cho cả hiện tại và hạt giống, chung cho cả bảy thức huân tập thành hạt giống, cũng do pháp chấp hiện hành trong thức thứ bảy không được rõ ràng. Phiền não nhỏ nhiệm thành thô trọng tức là hạt giống phiền não nhỏ nhiệm, cũng chung cho cả thức thứ bảy. Phiền não hiện hành vào địa thứ tám, lúc đã kết thúc không thể phát khởi. Hoặc hạt giống đó ở địa thứ mười chưa dứt bỏ do đó chướng ngại đối với Phật địa, ở Kim cang định vô gián đạo sẽ dứt sạch, không giống như đối với các chướng khác vào địa mới dứt bỏ. Kinh này dựa theo hai mươi hai vô minh phân biệt rõ các chướng khác nhau, cũng chính là thuộc mười một chướng, chung thì gọi là chướng, riêng thì gọi là ngu.

Đây là thuộc về mười một chương hai mươi hai ngu, các giáo khác nhau vừa nhiều vừa rắc rối nên không nói đủ.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở Sơ địa thực hành Thí ba-la-mật, ở địa thứ hai thực hành Giới ba-la-mật, ở địa thứ ba thực hành Nhẫn ba-la-mật, ở địa thứ tư thực hành Cần ba-la-mật, ở địa thứ năm thực hành Định ba-la-mật, ở địa thứ sáu thực hành Tuệ ba-la-mật, ở địa thứ bảy thực hành Phương tiện thắng Trí ba-la-mật, ở địa thứ tám thực hành Nguyện ba-la-mật, ở địa thứ chín thực hành Lực ba-la-mật, ở địa thứ mười thực hành Trí ba-la-mật.*

Tán rằng: Thứ tư là phương pháp tu tập của từng địa, văn có chia ra từng đoạn có thể biết.

Hỏi: Bồ-tát Địa tiền vẫn còn thực hành sáu độ, và trong luận Thập địa đều chép: “Trong một hạnh kiếp thứ hai thực hành tất cả các hạnh, trong tất cả các hạnh ở kiếp thứ ba thực hành tất cả các hạnh”, tức đều là tu tập đầy đủ, tại sao văn này nói mỗi địa đều thực hành một hạnh?

Đáp: Dựa theo thực tế đúng như vậy. Nói ở mười địa đều thực hành một hạnh đó là căn cứ theo tăng thêm. Trong Nhiếp luận của Vô tánh chép: “Trong mỗi địa tu tập đầy đủ mười thứ, không nên nhất quyết cho rằng địa này tu như vậy, bởi vì càng thêm thù thắng nên nói không có lỗi này.”

Văn kinh: *Này người thiện nam! Đại Bồ-tát đầu tiên phát tâm nhiếp thọ có thể phát sinh Diệu bảo Tam-ma-địa, phát tâm thứ hai nhiếp thọ có thể phát sinh Khả ái lạc Tam-ma-địa, phát tâm thứ ba nhiếp thọ có thể phát sinh Nan động Tam-ma-địa, phát tâm thứ tư nhiếp thọ có thể phát sinh Bất thối chuyển Tam-ma-địa, phát tâm thứ năm nhiếp thọ có thể phát sinh Bảo hoa Tam-ma-địa, phát tâm thứ sáu nhiếp thọ có thể phát sinh Nhật viên quang diễm Tam-ma-địa, phát tâm thứ bảy nhiếp thọ có thể phát sinh Nhất thiết nguyện như ý thành tựu Tam-ma-địa, phát tâm thứ tám nhiếp thọ có thể phát sinh Hiện tiền chứng trú Tam-ma-địa, phát tâm thứ chín nhiếp thọ có thể phát sinh Trí tạng Tam-ma-địa, phát tâm thứ mười nhiếp thọ có thể phát sinh Dũng tiến Tam-ma-địa.*

Tán rằng: Thứ năm là nói về sự tu hành. Đây là ý mười địa đều thực hành một độ làm thế nào tu tập, nghĩa là vì muốn tu tập song song hai pháp định tuệ. Trong Nhiếp luận của Vô Tánh chép: “Trong mỗi Địa tu Xa-ma-tha (chỉ) Tỳ-bát-xá-na (quán)”. Y cứ vào năm tướng mà tu tập, như luận đó phân biệt rộng. Nhưng các nơi nói về tu tập có phần khác nhau, mỗi mỗi đều khác nhau không thể dẫn chứng đầy đủ.

Tại sao chỉ nói đến hai môn chỉ quán, nên lấy đó mà tu tập?

Đáp: Trong Vô tánh giải thích: “Nghĩa là có thể đối trị với các thứ tán động cho nên có thể đối trị được với các tuệ điên đảo, trong mỗi địa đều tu hành hai thứ này”, nhưng nay trong kinh này chỉ nói về phẩm Chỉ, bởi vì định có thể dẫn dắt vô tướng chánh trí là trí đầy đủ, song căn cứ theo mười địa mỗi địa đều tu định riêng, cùng các văn khác làm sáng tỏ lẫn nhau. Đoạn văn chia làm ba: Đầu tiên nêu ra người năng tu, tiếp đó nói về định sở tu, sau cùng là tổng kết. Do định mà phát khởi thí gọi là diệu bảo đẳng trì. Tam là đẳng, ma-địa gọi là trì. Tâm bình đẳng trì khiến cho trụ nơi cảnh, âm cũ sai cho nên gọi là Tam-muội. Định có công năng phát khởi giới gọi là khả ái lạc đẳng trì, do sự giữ giới đó mà mọi người đều thích nhìn thấy. Hoặc từ đạo cộng giới vô lậu mà nói về định có công năng phát khởi nhẫn là nan động đẳng trì. Định phát khởi tính tiến gọi là bất thối đẳng trì. Do định có thể làm nhân thù thắng cho công đức gọi là bảo hoa đẳng trì. Định có công năng phát sinh trí tuệ gọi là Nhật viên quang điểm đẳng trì. Định có công năng phát sinh phương tiện khéo léo gọi là nhất thiết nguyện như ý thành tựu. Định có công năng phát sinh trí, nhậm vận chứng được diệu lý vô tướng gọi là hiện tiền chứng. Định phát khởi bốn biện tài gọi là trí tạng. Định phát khởi thần thông mở rộng sự nghiệp to lớn gọi là dũng tiến.

Văn kinh: *Này hiện nam! Đó gọi là mười thứ phát tâm của Đại Bồ-tát.*

Tán rằng: Tổng kết.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở Sơ địa này đạt được Đà-la-ni tên gọi là Y công đức lực. Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói chú rằng: “Đát điệt tha - bồ luật nhĩ mạn nô lạt thế - độc hổ độc hổ độc hổ - da bạt tô lợi du - a bà bà tát đế (đỉnh lý) da bạt chiên đạt la - điều đát đế - đa bạt lạc xoa mạn - đạn trà bát lý ha lam - củ lô sa ha.”*

Này người thiện nam! Đà-la-ni này là do một hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở cho Bồ-tát Sơ địa, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ được thoát khỏi tất cả mọi sự sợ hãi, đó là các loài thú dữ cạp beo, sư tử, tất cả ác quỷ, người, loài phi nhân, oán tặc tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ Sơ địa.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ hai đạt được Đà-la-ni tên là Thiện an lạc trụ: “Đát điệt tha - ốt thuyên (nhập thanh, ở dưới cũng đồng) lý chất lý chất lý - ốt thuyên la ốt thuyên (dẫn) - nam thiện đồ thiện đồ - ốt thuyên lý hổ lô hổ lô - sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này do hơn hai hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở Bồ-tát địa thứ hai, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, oán tặc, tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ hai.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ ba đạt được Đà-la-ni tên gọi Nan thắng lực: “Đát diệt tha - đạn trạch chỉ bát trạch chỉ - yết lạt trí - cao lạt trí - kê do lý đoạn trí lý - sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này là hơn ba hằng hà sa số chư Phật thuyết ra để bảo vệ cho Bồ-tát địa thứ ba, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù, tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại không quên nhớ nghĩ đến địa thứ ba.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ tư đạt được Đà-la-ni tên là Đại lợi ích: “Đát diệt tha - thất lý thất lý đà nhị nhĩ - đà nhị nhĩ đà lý đà lý nhĩ - thất lợi thất lý nhĩ - tỳ xá la ba thỉ ba thỉ na - bán đà nhị đế - sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này là hơn bốn hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở cho Bồ-tát địa thứ tư, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù, tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ tư.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ tư đạt được Đà-la-ni tên Đại lợi ích: “Đát diệt tha thất lý thất lý đà nhị nhĩ đà nhị nhĩ đà lý đà lý nhĩ - thất lợi thất lý nhĩ tỳ xá la ba thỉ ba thỉ na bán đà nhị đế sa ha.”

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ năm đạt được Đà-la-ni tên là Chủng chủng công đức trang nghiêm: “Đát diệt tha ha lý ha lý nhĩ già lý già lý nhĩ yết lạt ma (dẫn) nhĩ tăng yết lạt ma (dẫn) nhĩ tam bà san nhĩ thêm bạt nhĩ tất đām bà nhĩ mô hán nhĩ toái diēm bộ bệ sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này do hơn năm hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở Bồ-tát địa thứ năm, vì thế nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ năm.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ sáu đạt được Đà-la-ni tên là Viên mãn trí: “Đát diệt tha tỳ tử lý tỳ tử lý ma lý nhĩ ca lý ca lý tỳ độ hán đế rô rô rô rô chủ rô chủ rô đở rô bà đở rô bà xả xả thiết giả bà

lý sái - sa (nhập) tất để tát bà tát đỏa nam - tất điện đổ - mạn đất labát đà nhĩ sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này do hơn sáu hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở cho Bồ-tát địa thứ sáu, vì thế nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù, tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ sáu.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ bảy đạt được Đà-la-ni tên là Pháp thắng hạnh: “Đất diệt tha - chước ha (thượng) chước ha (dẫn) rô chước ha chước ha chước ha rô bính lục chỉ bính lục chỉ a mật lật đa hổ hán nhĩ bột lý san nhĩ bính rô sắc chỉ bà rô phạt để bính đề sát chỉ - tần đà bính lý nhĩ a mật lý để chỉ bạc hổ chủ dữ bạc hổ chủ dữ sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này do hơn bảy hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở Bồ-tát địa thứ bảy, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ bảy.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ tám đạt được Đà-la-ni tên là Vô tận tạng: “Đất diệt tha thất lý thất lý thất lý nhĩ mật để mật để yết lý yết lý ê rô ê rô chủ rô chủ rô bạn đà nhĩ sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này do hơn tám hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở Bồ-tát địa thứ tám, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ tám.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ chín đạt được Đà-la-ni tên là Vô lượng môn: “Đất diệt tha ha lý chiêm trà lý chỉ câu lam bà lật thể đổ thứ tử bạt tra bạt tra tử thất lý thất lý ca thất lý ca tất thất lý sa tất để tát bà tát đỏa nam sa ha.”

Này người thiện nam! Đà-la-ni này do hơn chín hằng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở Bồ-tát địa thứ chín, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại, không quên nhớ nghĩ đến địa thứ chín.

Này người thiện nam! Đại Bồ-tát ở địa thứ mười đạt được Đà-la-ni tên là Pháp Kim cang sơn: “Đất diệt tha tất đề (khứ) tô tất đề (khứ) mô triết nhĩ mộc sát nhĩ tỳ mộc để am mật lệ tỳ mật lệ niết mật lệ mang yết

lệ tát bà át tha bà đạn nhĩ- ma nại tư mạc ha ma nại tư- át bộ đễ- át trất bộ đễ- a lạt thệ tỳ lạt thệ át chủ đễ am mật lạt đễ a lạt thệ tỳ lạt thệ bạt lăm mê bạt la điêm ma sa lệ bộ lạt nhĩ bộ lạt na man nô lạt thế sa ha.”
 Nay người thiện nam! Đà-la-ni quán đánh cát tường này do hơn mười hàng hà sa số các Đức Phật nói ra để che chở Bồ-tát địa thứ mười, cho nên nếu có người nào trì tụng chú Đà-la-ni này sẽ thoát khỏi các sự sợ hãi về thú dữ, ác quỷ, người, loài phi nhân, kẻ thù tai nạn bất ngờ và các khổ não, thoát khỏi năm sự chướng ngại không quên nhớ nghĩ đến địa thứ mười.

Tán rằng: Trong phần trả lời câu hỏi thứ nhất có bốn phần, đây chính là phần thứ tư được che chở có hai: Đầu tiên là được che chở, sau đó là khen ngợi.

Đây là mở đầu. Mười địa khác nhau tức là mười đoạn, trong mỗi một đoạn đều chia ra làm bốn phần:

1. Nêu tên gọi năng hộ.
2. Chính thức nói thân chú.
3. Khen ngợi pháp thù thắng, phần nhiều do đức Phật nói.
4. Nói về lợi ích che chở.

Trong bốn Tổng trì đây là chú Tổng trì. Do thực hành bố thí được gọi là công đức, các tên gọi còn lại theo hạnh nêu ra ở đây có thể biết. Trong phần khen ngợi pháp thù thắng có hai: Đầu tiên là khen ngợi, tiếp theo là sự che chở địa. Lợi ích bảo vệ có hai:

1. Không có hoạn nạn.
2. Không hề lui sụt.

“Nếu có người trì tụng... này” về sau là không có năm thứ chướng nạn: Đầu tiên là nêu ra, tiếp theo là liệt kê, sau cùng là kết luận. Năm thứ chướng nạn đó là:

1. Ác thú.
2. Ác quỷ.
3. Oán tặc.
4. Các tai nạn bất ngờ về nước lửa...
5. Ba khổ, bảy khổ...

Và đoạn văn kết luận có thể biết. Không quên, ở địa thứ hai có thể khiến cho không lui sụt, chín địa còn lại theo đó mà biết. Tổng trì thứ hai gọi là Thiện an lạc trụ. Nhờ giữ giới nên được gọi Thiện an lạc trụ. Do thực hành tinh tiến khéo léo thành tựu sự nghiệp nên được gọi là Đại lợi ích. Do tu tập định lực dẫn phát các thứ công đức được gọi là Chung chủng công đức trang nghiêm. Nhờ thực hành trí tuệ cho nên

được gọi là Viên mãn trí. Nhờ thực hành phương tiện khéo léo cho nên được gọi là Pháp thắng hạnh. Nhờ thực hành mười nguyện vô tận nên được gọi là Vô tận tạng. Nhờ đạt được bốn thứ biện tài lợi ích rộng lớn cho chúng sinh nên được gọi là Vô lượng môn. Do trí tuệ có công năng phá trừ chướng ngại giống như kim cương đạt được tổng trì nên gọi là Phá Kim cương sơn. Chín địa còn lại như sau, phối hợp giải thích về tên gọi của tổng trì đã đạt được, vẫn còn lại giống nhau cho nên không giải thích lại.

Văn kinh: ***Bấy giờ, Bồ-tát Sư tử tướng vô ngại quang diễm nghe Đức Phật nói Đà-la-ni không thể suy nghĩ bàn luận này xong liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi vén y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật.***

Tán rằng: Phần thứ hai tiếp theo khen ngợi trong đoạn được bảo vệ. Văn phân làm ba: Đầu tiên là tiếp thu pháp đã nói, tiếp theo là cung kính chân thành đảnh lễ, tức là nghi thức vui mừng khen ngợi, sau cuối là nói rõ sự khen ngợi. Đây là văn hai phần đầu. Bởi vì biểu hiện có thể tu hành nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vì hiện điềm tốt lành nên vén bày vai phải. Biểu hiện địa vị có thể chứng cho nên đầu gối quỳ sát đất, trí suy tư về pháp đã nói vì vậy chấp tay, đã nghe pháp mầu biết pháp nói ra là cao quý cho nên càng thêm cung kính. Biểu hiện rất mực cung kính vì thế đảnh lễ dưới chân.

Văn kinh: ***Dùng bài tụng khen ngợi Đức Phật: Lễ kính không ví dụ, pháp vô tướng sâu xa.***

Tán rằng: Sau cuối là nói rõ sự khen ngợi. Tất cả có mười bài tụng chia làm hai phần: Nửa bài tụng đầu khen ngợi pháp được nghe, chín bài tụng rưỡi còn lại là khen ngợi Đức Phật. Đây là mở đầu. Pháp là thầy của Phật cho nên trước hết là khen ngợi pháp, Phật có thể khởi nói cho nên là chủ nhân của giáo.

Tiếp theo là khen ngợi Phật. Phát khởi tâm tha thiết thanh tịnh đốc thúc nghiệp thù thắng, kính thành lễ lạy gọi là kính lễ. Tiếng Phạn giọng nam gọi là Bạn-đàm, giọng nữ gọi rằng Bạn-để, ở đây nói là kính lễ, nói trại ra thành Hòa-nam. Pháp thể thù thắng chẳng thể dùng ví dụ để ví dụ được nên nói là Vô ví dụ, chỉ có Phật hiểu rõ tận cùng nên gọi là sâu xa. Theo luận Pháp hoa kinh thì sâu xa có năm thứ:

1. Nghĩa sâu xa là dùng nghĩa chân như.
2. Thể sâu xa tức là như tự tánh.
3. Nội chứng sâu xa chỉ có trí vô phân biệt mới khế chứng được.
4. Ý chỉ sâu xa và hằng sa công đức là chỗ nương tựa.

5. Vô thượng sâu xa tức là vô dư vô trí. Vô tướng là không có hai tướng không, hữu... hoặc không có mười tướng sinh diệt...

Văn kinh: ***Chúng sinh mất chánh trí, chỉ Phật cứu độ được.***

Tán rằng: Tiếp theo là khen ngợi Phật. Nửa bài tụng đầu là chung, chín bài tụng sau là riêng. Đây là phần chung. Trong ba đức của Phật có ân đức lợi sinh là cao quý nhất cho nên chỉ nêu ra ân đức này để trình bày, theo đó làm sáng tỏ trí đức và đoạn đức. Biết chân chánh gọi là chánh trí. Phàm phu không có chánh trí gây ra nhiều tà nghiệp, chìm đắm trong sinh tử. Phật có đủ hai trí nên chỉ có Phật mới cứu độ được. Hàng Bồ-tát tuy cũng có thể cứu độ chúng sinh, nhưng bởi vì nương vào Phật cho nên nương công quy về Phật.

Văn kinh: ***Tuệ nhãn Như lai sáng, không thấy tướng một pháp; lại dùng chánh pháp nhãn, soi khắp không nghĩ bàn, không sinh nơi một pháp, cũng không diệt một pháp.***

Tán rằng: Tiếp theo khen ngợi riêng Đức Phật. Hai bài tụng đầu khen ngợi trí đức của Báo thân, hai bài tụng tiếp theo khen ngợi đoạn đức của pháp thân, năm bài tụng còn lại khen ngợi ân đức của Hóa thân. Trong phần đầu trước tiên khen ngợi nhân của đức, tiếp đó khen ngợi quả của đức. Trong khen ngợi nhân, nửa bài tụng đầu khen ngợi tuệ nhãn, một tụng tiếp theo khen ngợi pháp nhãn. Tuệ nhãn soi chiếu vắng lặng là nghĩa đế bậc nhất, luận Chưởng trâm dẫn kinh chép: “Tuệ nhãn của Mạn-thù-thất-lợi không có sở quán, bất quán, hữu vi, vô vi. Vì sao? Vì chẳng phải cảnh của tuệ nhãn. Pháp nhãn soi chiếu khắp chân tục, chẳng phải không thấy chân như mà có khả năng thấu tỏ các pháp không mê đắm.” Luận Bát-nhã giải thích ý cũng giống như vậy. Do đó trước tiên khen ngợi tuệ nhãn. Vô phân biệt cho nên không thấy tướng của một pháp nào, chẳng phải không có các pháp. Duyên theo giáo pháp và căn tánh chúng sinh gọi là pháp nhãn. Tất cả đều hiểu rõ ràng gọi là chiếu khắp. Chẳng phải ai khác có thể suy lường gọi là chúng sinh không thể nghĩ bàn. Xứng hợp với cảnh nên biết rõ không vọng thấy sinh thêm một pháp nào, cũng không vọng thấy diệt bớt đi một pháp nào; ở trong đó nên biết y tha sinh diệt, biến kế chân như đều không sinh diệt. Nay không thấy hai sinh diệt sau cuối kia, chẳng phải là tánh y tha của vô sinh diệt.

Văn kinh: ***Do đó thấy bình đẳng, đạt đến nơi vô thượng.***

Tán rằng: Nói về quả. Do nghĩa là nguyên do. Vì tu hai loại nhãn đạt đến viên mãn cho nên thấy bình đẳng. Đắc là Vô gián đạo, chí là giải thoát đạo. Hoặc dịch như trước, đắc nghĩa là chứng, là tâm dứt hoặc

chứng diệt. Vô thượng xứ tức là đại Bồ-đề. Không nói đến nhục nhãn và thiên nhãn, vì là pháp vô ký, chỉ là nghiệp quả và định quả cho nên không nói. Ở trong thân Phật gọi là Phật nhãn. Nay ở đây khen ngợi về nhân cho nên lược bỏ Phật nhãn.

Văn kinh: ***Không lia bỏ sinh tử, cũng không trụ Niết-bàn, không chấp đắm hai bên, vì thế chứng viên tịch.***

Tán rằng: Hai hàng tiếp theo là khen ngợi đoạn đức. Một hàng đầu là vô trú Niết-bàn, một hàng sau là khen ngợi Niết-bàn vô dư. Đại Niết-bàn cũng chính là Pháp thân. Hoại là đoạn. Khác với Nhị thừa dứt hẳn sinh tử diệt biên, cũng không ưa thích trụ Niết-bàn là hữu biên, tức là không, hữu đều không chấp, lia bỏ hai bên này, vì thế thường chứng được Niết-bàn vô trụ. Niết-bàn, tiếng Phạn không đúng, đúng ra phải là Ba-lợi-ni-phước-nam, Hán dịch là Viên tịch, tên gọi như trước đã giải thích. Đây là chung cho cả nhân vị, không gọi là tối thanh tịnh.

Văn kinh: ***Đối với tịnh bất tịnh, Thế Tôn biết tất cả, bởi vì không phân biệt, đạt được tối thanh tịnh.***

Tán rằng: Đại Niết-bàn Vô dư, tức chính là nói về Pháp thân. Tánh tịnh và bất tịnh, thể tức là chân như, gọi là nhất vị (cùng một vị), do trí vô phân biệt nên chứng được nhất vị đó. Chính là nhân của Niết-bàn cho nên đạt được tốt cùng thanh tịnh, vô thượng pháp thân. Vô dư viên tịch gọi là tối thanh tịnh, vượt ra khỏi nhân vị cho nên chỉ có Phật đạt được. Vô trụ chung cho cả nhân, tuy là thanh tịnh nhưng chướng ngại chưa hết cho nên chưa được tối thanh tịnh.

Văn kinh: ***Thế Tôn vô biên thân, không nói qua một chữ, khiến các chúng đệ tử, mưa pháp đều đầy khắp.***

Tán rằng: Tiếp theo là ân đức, chia làm bốn: Một hàng là đức hiện thân nói pháp, một hàng là đức quán sát chúng sinh thường làm lợi ích, hai hàng còn lại là đức ứng cơ khác nhau, một hàng cuối cùng là tổng kết không khác nhau. Đây là mở đầu. Người khác thọ nhận biến hóa, tùy cơ cảm hiện thân, hình tướng đó vô lượng nên nói là vô biên, hoặc hiện thân lớn khó suy lường nên gọi là vô biên thân. Lia bỏ biến kế cho nên chân lý vô cơ chỉ nói một chữ, vì thế nói là không nói một chữ. Nhưng do năng lực nhân duyên của thức biến khiến cho chúng sinh nghe pháp đều được đầy đủ, như ngọc châu ma-ni tùy theo sự mong cầu mà các thứ báu tuôn xuống như mưa, cũng như trống trời ứng hợp với ý niệm phát ra âm thanh.

Văn kinh: ***Phật quán tướng chúng sinh, cả mọi loại đều không, nhưng nơi khổ não ấy, thường sinh tâm cứu giúp.***

Tán rằng: Đức quán sát chúng sinh thường làm lợi ích. Bình đẳng quán sát chúng sinh oán thân, lợi độn, đẹp xấu tự tha đều giống nhau. Nướng vào các pháp giới nên tất cả chủng tướng này đều là không, đại Bi không bỏ nên ngay nơi không mà quán có, vì thế đối với các sự đau khổ thường ban cho sự cứu giúp.

Văn kinh: **Khổ vui, thường vô thường, có ngã cùng vô ngã, không một cũng không khác, không sinh cũng không diệt, nghĩa như thế thật nhiều, tùy nói có.**

Tán rằng: Đức tùy theo căn cơ khác nhau. Một bài tụng rưới đầu là ứng cơ khác nhau, một câu tiếp theo là ví dụ hiển bày, một câu cuối là Phật biết rõ. Đây là mở đầu. Khổ lạc, thường vô thường, ngã vô ngã, một khác, sinh diệt là nêu ra năm cặp đối nhau, đối với rất nhiều chân lý này là tuy không nhưng tùy căn cơ mà nói khác nhau.

Văn kinh: **Giống như hương trống vang, chỉ Phật luôn biết rõ.**

Tán rằng: Nêu ví dụ, và Phật hiểu rõ. Giống như hương trống rỗng vốn không có âm thanh, tùy theo tiếng vang nên phát ra các thứ âm thanh khác nhau, người khác không thể hiểu chỉ có Phật biết rõ.

Văn kinh: **Pháp giới không phân biệt, cho nên không khác thừa, vì độ thoát chúng sinh, nói phân biệt có ba.**

Tán rằng: Tổng kết không khác nhau. Tuy lúc đầu có khác nhau nhưng cuối cùng vẫn về nơi nhất thừa, đối với pháp giới chân thật cũng không có tướng khác nhau về ba thừa. Văn hiển bày có thể biết.

Văn kinh: **Lúc bấy giờ, Đại Tự tại Phạm thiên vương cũng đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén y bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính đảnh lễ dưới chân Phật.**

Tán rằng: Đây là đoạn lớn thứ ba trong phẩm nói về tán dương Đại phạm. Trong đó có hai phần: Đầu tiên là Phạm vương khen ngợi khuyến khích, sau đó Như lai ấn khả chân thành. Đầu tiên là khen ngợi, văn trong đó có ba: Trước hết là nghi thức khen ngợi, tiếp theo chính là khen ngợi, sau cùng là khuyến khích trì tụng. Đây là mở đầu. Đại tự tại Phạm vương là vị vua tĩnh lự thứ tư, tức là Bồ-tát địa thứ mười. Kinh Thập địa chép: “Hiện báo được lợi ích, thọ nhận địa vị Phật, hậu báo được lợi ích sinh nơi cõi trí Ma-hê-thủ-la.”

Văn kinh: **Lại bạch với Đức Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này ít có khó lường, sơ trung hậu thiện, văn nghĩa rất ráo đều có công năng thành tựu tất cả Phật pháp.**

Tán rằng: Chính thức khen ngợi. Trong Du-già tám mươi ba có mười câu, đây là đầu tiên có năm câu nói riêng, sau đó “đều có thể

thành tựu...” Trở xuống là nói chung năm câu còn lại, hoặc “đều có thể thành tựu...” trở xuống là chỉ cho câu thứ mười. Tướng của phạm hạnh theo đó thuộc về trung gian. Du-già tám mươi ba chép: “Nói sơ thiện nghĩa là đối với sự nghe và thọ trì nên sinh tâm vui mừng. Trung thiện nghĩa là lúc tu hành không có gian khổ, xa lìa hai bên, nương theo trung đạo mà thực hành. Hậu thiện nghĩa là tốt cùng rốt ráo lìa các cấu nhiễm, và tất cả rốt ráo lìa dục là hậu biên.” Ý này nghĩa là: Lúc tu hành thì có học vị, trong Hậu thiện gọi là Cực rốt ráo v.v... là địa vị Vô gián đạo cuối cùng, và Nhất thiết cứu cánh đẳng là địa vị Giải thoát đạo cuối cùng, lìa xa cấu nhiễm là nhân quả rốt ráo, nên nói văn nghĩa rốt ráo. Văn rốt ráo nghĩa là văn đó khéo léo, tức là khéo léo khắc họa gọi là thân đẳng... Nghĩa rốt ráo của văn đó tức là giải thích sự tuyệt vời nhiệm mầu. Nghĩa là có thể dẫn phát lợi ích giúp cho an vui. Tướng của sáu vô tạp, bảy viên mãn, tám thanh tịnh, chín trong sáng, mười phạm hạnh, tóm lại là tất cả đều thành tựu thâm nhiếp trong đó.

Văn kinh: *Nếu ai thọ trì thì người đó chính là vì báo ân các Đức Phật.*

Tán rằng: Khuyến khích trì tụng. Như kinh Pháp Hoa hai nói về ân Phật sâu nặng không thể nào báo đền được, phẩm Chúc lụy chép: “Chỉ thọ trì kinh chính là báo ân”, ở đây cũng giống như vậy.

Văn kinh: *Đức Phật dạy: Đây người thiện nam! Đúng thế! Đúng thế! Như lời ông nói.*

Tán rằng: Thứ hai Như lai ấn khả chân thành, có hai: Đầu tiên là ấn khả, sau là chân thành xác chứng. Đây là mở đầu.

Văn kinh: *Này người thiện nam! Nếu ai được nghe kinh điển này thì đều được không lui sụt trên đường tiến đến quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.*

Tán rằng: Chân thành xác chứng. Có hai: Đầu tiên là người có thể lắng nghe được không lui sụt Bồ-đề, sau đó là người tùy ý thọ trì được dứt trừ chướng ngại, tinh tiến hơn lên. Trong phần đầu có năm:

1. Nêu ra.
2. Nêu câu hỏi.
3. Thuận theo giải thích.
4. Tiếp tục nêu câu hỏi.
5. Trở lại hiển bày.

Đây tức là nêu ra.

Văn kinh: *Vì sao? Trưng hỏi, có thể biết.*

Văn kinh: *Này người thiện nam! Vì đây là gốc lành thù thắng có*

thể thành thực địa vị không lui sụt của Bồ-tát, là pháp ấn bậc nhất, là kinh đứng đầu của các kinh, cho nên cần phải lắng nghe, thọ trì, đọc tụng.

Tán rằng: Thuận theo giải thích, có hai: Mở đầu là giải thích, sau đó khuyến khích. Có ba lý do để người có thể lắng nghe đạt được không lui sụt Bồ-đề:

1. Có thể thành tựu gốc lành không lui sụt, tức là chưa thành thực được thành thực.
2. Pháp ấn bậc nhất, tức là trước đã thành thực ấn chứng giúp cho không lui sụt.
3. Vì là kinh đứng đầu trong các kinh, cho nên tiếp tục khuyến khích.

Văn kinh: **Vì sao? Tiếp tục nêu câu hỏi.**

Văn kinh: **Này người thiện nam! Nếu tất cả chúng sinh có ai chưa gieo trồng gốc lành, chưa thành thực gốc lành, chưa gặt gũ các Đức Phật thì người ấy không thể nào lắng nghe pháp nhiệm mầu này.**

Tán rằng: Trở lại hiển bày. Trở lại hiển bày ba nghĩa:

1. Chưa gieo trồng gốc lành.
2. Đã gieo trồng nhưng chưa thành thực.
3. Chưa gặt gũ các Đức Phật.

Ba hạng người này không thể nào lắng nghe, cho nên biết rằng người có thể lắng nghe có đủ ba duyên ở trên, vì vậy nghe kinh đạt đến không lui sụt.

Văn kinh: **Nếu thiện nam, thiện nữ nào có thể lắng nghe, thọ trì kinh này thì tất cả tội chướng thủy đều trừ diệt, được thanh tịnh tột cùng.**

Tán rằng: Diệt trừ chướng ngại tinh tiến hơn lên, có ba:

1. Diệt trừ ba chướng.
2. Gặt gũ bạn lành.
3. Đạt được pháp cao quý.

Đây là phần đầu:

1. Diệt trừ tội lỗi.
2. Được thanh tịnh. Được thanh tịnh chính là tội lỗi tiêu trừ, phước đức phát sinh, hoặc trước đây phá giới khiến cho trở lại được thanh tịnh.

Văn kinh: **Thường được thấy Phật, không xa rời các Đức Phật và Thiện tri thức có hạnh hạnh tốt.**

Tán rằng: Gặt gũ bạn lành. Người thắng hạnh tức là các vị Bồ-

tát.

Văn kinh: *Thường nghe pháp mầu, an trú ở địa vị không lui sụt.*

Tán rằng: Đạt được pháp cao quý, có bốn:

1. Được nghe pháp cao quý.
2. Đạt đến địa vị cao quý.
3. Đạt được tổng trì cao quý.
4. Đạt được công dụng thù thắng của pháp.

Đây là hai phần đầu, có chia làm hai.

Văn kinh: *Đạt được Đà-la-ni môn cao siêu như thế.*

Tán rằng: Đạt được pháp tổng trì cao siêu. Đầu tiên là nêu chung, sau đó nêu riêng. Đây là phần nêu chung. Trong bốn Đà-la-ni, thì có thể đạt được bất thối Đà-la-ni chứng pháp tánh cho nên vô tận, đạt được không lui sụt cho nên là vô giảm.

Văn kinh: *Cái gọi là vô tận vô giảm hải ấn xuất diệu công đức Đà-la-ni vô tận vô giảm, thông đạt chúng sinh ý hạnh ngôn ngữ Đà-la-ni vô tận vô giảm.*

Tán rằng: Nêu riêng mười tổng trì này. Hoặc tất cả mười địa mỗi địa đều đạt được, hoặc tùy theo mười địa lần lượt đạt được một địa. Như Tam-ma-địa trước đây, Sơ địa thực hành thì có thể đạt được, hợp thời như thủy triều của biển lớn lên xuống đúng lúc, chứng bình đẳng chân như, được ấn chứng. Nướng vào Đà-la-ni phát sinh công đức cao quý của bố thí, lại có thể phát sinh hậu hậu thắng đức vô tận vô giảm. Hoặc chứng lý sở đắc, hoặc thuộc về mười câu vô tận cho nên vô tận vô giảm. Dưới đây đều y cứ theo đây mà giải thích. Ở địa thứ hai, dứt trừ cái ngu không hiểu nghiệp thì đạt được tổng trì này, cho nên có thể thấu suốt ba nghiệp của tự tha, ý nghĩ hành động, lời nói ba thứ này lần lượt tức là ba nghiệp ý, thân, ngữ. Hoặc ý hạnh tức là tám mươi bốn ngàn tâm hạnh. Ngôn ngữ biết cơ ở đây, tức là hiểu theo ngôn ngữ của tất cả chúng sinh.

Văn kinh: *Nhật viên vô cấu tướng quang Đà-la-ni vô tận vô giảm, mãn nguyệt tướng quang Đà-la-ni vô tận vô giảm.*

Ở địa thứ ba, do dứt bỏ cái ngu ám độn, nêu đạt được tổng trì này, có thể phát khởi ba minh diệu định thù thắng, như mặt trời tròn vành, tự lìa bỏ chướng nói là vô cấu, phá sạch u ám của người nói là tướng quang. Địa thứ tư lìa được chướng ngại nhỏ nhiệm, cho nên tinh tiến cao hơn, giống như vầng trăng từ lúc mới xuất hiện đến khi đầy đặn. Dứt trừ được cái ngã đã sinh và chưa sinh, kiến chấp có thể sinh mà không sinh; làm lớn lên tất cả pháp lành đã sinh, như ánh sáng mặt trăng làm

cho mát mẻ, làm cho hoa sen nở rộ.

Văn kinh: ***Năng phục chư hoặc diễn công đức lưu Đà-la-ni vô tận vô giảm, Phá kim cang sơn Đà-la-ni vô tận vô giảm.***

Vì ở địa thứ năm đạt được tương ứng với chân đế tăng thượng tuệ, hàng phục được các phiền não kèm thêm tham, sân... nên gọi chung là hàng phục các hoặc. Tu định cao siêu cho nên đạt được tinh lực cao siêu, phát huy dòng chảy của công đức. Dòng nghĩa là tám giải thoát. Vì thế kinh Pháp Hoa chép: “Tám pháp giải thoát tuôn chảy nước tịnh diệu.” Hoặc đạt được định cao siêu, giảng nói được tất cả công đức của định. Do địa thứ sáu tu tập Bát-nhã, phá tan được núi lớn kim cang che lấp mặt trời của sự ngu si.

Văn kinh: ***Thuyết bất khả thuyết nghĩa nhân duyên tạng Đà-la-ni vô tận vô giảm, thông đạt thật ngữ pháp tắc âm thanh Đà-la-ni vô tận vô giảm.***

Bởi vì trong Địa thứ bảy phần nhiều trụ vô tướng, dùng phương tiện khéo léo để nói nghĩa lý không thể nói của vô tướng, cũng không thể xả bỏ nêu giả gọi là Nhân duyên pháp tạng. Do địa thứ tám đạt được trí công dụng của vô tướng, dùng năng lực đại nguyện nên thấu suốt được thật ngữ, làm phát sinh pháp tắc; âm thanh tức là ngữ (lời nói).

Văn kinh: ***Hư không vô cấu tâm hạnh ấn Đà-la-ni vô tận vô giảm, vô biên Phật pháp giai năng hiển hiện Đà-la-ni vô tận vô giảm.***

Do Địa thứ chín đạt được bốn biện tài tự tại, như hư không dứt trừ chướng ngại lợi tha, cho nên là vô cấu. Nghĩa pháp đã nói có thể làm ấn chứng tốt cho tâm hạnh chúng sinh, thắng ấn đã ấn chứng quyết định đạt được lợi ích cao quý. Do Địa thứ mười đạt được mây đại trí trùm khắp pháp giới; thân sở nguyện tận vô biên cõi sinh ra đều có thể hiển hiện, đều nhân nơi tổng trì mà được, đều thuận theo sở đắc mà lập tên gọi Tổng trì, tức là thuận theo quả làm tên gọi, thuộc về y chủ thích.

Văn kinh: ***Này người thiện nam! Các vô tận vô giảm, các Đà-la-ni môn như thế được thành tựu.***

Tán rằng: Đạt được công dụng cao siêu. Trước đạt được pháp thể, ở đây nương vào để khởi dụng. Đầu tiên là nêu ra, sau đó là hiển bày. Đây là phần nêu ra.

Văn kinh: ***Đại Bồ-tát này có thể ở nơi tất cả cõi Phật mười phương hóa hiện thân Phật, giảng nói tất cả chánh pháp vô thượng, đối với pháp chân như không lay động, không an trụ, không đến không đi.***

Tán rằng: Đây là hiển bày công dụng cao siêu, có ba:

1. Hiện thân nói pháp.

2. Thường làm lợi ích hữu tình.

3. Thâu nhiếp pháp trở về chân khiến cho tu tập chánh quán.

Đây là mở đầu. Tuy hiện thân giảng nói các pháp chân đế bất hoại, nhưng đối với pháp chân như không hề lay động. Kinh Vô Cấu Xứng chép: “Thường khéo léo phân biệt tướng của các pháp nhưng đối với nghĩa đế bậc nhất lại không hề lay động”, tức là không trụ trước. Tuy lại hiện thân mà lìa xa cái khổ của sự tán loạn trôi lăn cho nên đối với pháp chân như không hề lay động, cũng không hề trú trước vào Niết-bàn vắng lặng. Như phàm phu, Nhị thừa tuy hiện bày thành Phật nhưng lại tỏ ý quay về Niết-bàn. Dụng thường vắng lặng cho nên không đến không đi. Lại nữa, gốc lành của chúng sinh thành thực cho nên thấy Phật đến, sinh tâm chán ngán lìa bỏ cho nên thấy Phật đi. Luận về Phật thường trụ không đến không đi, cũng như hư không trong sáng, trăng ngời tựa ngọc soi chiếu xuyên suốt không giới hạn, hễ mặt nước gió lặng sóng ngừng thì ánh sáng rực rỡ có điểm dừng. Đây tức là nước trong nên bóng trăng hiện bày, nước cuộn sóng đục ngầu nên trăng lẫn mất. Nói về trăng thì nào có đến đi. Hoặc tự tánh thân không có đi đứng nằm ngồi. Bất động tức là không ngồi nằm, đến đi là thuộc về hành, ứng hóa mà có. Cho nên luận Bát-nhã chép: “Các Đức Phật không đến đi, ứng hóa có đến đi.” Theo Nhiếp cảnh tức là y cứ vào sự ứng hóa làm câu hỏi, đáp tức là thuận theo Như để đáp, cho nên qua lại đều được. Hoặc hiện thân nói pháp đều không có tướng nhất định trong ba đời. Bất động là chung, bất trú là đời hiện tại, tức là diệt, bất khứ tức là diệt vì không đến quá khứ, bất lai vì vị lai không. Y theo sự nói pháp cũng nói bất động... ở đây giải thích là xong.

Văn kinh: ***Khéo có thể thành thực gốc lành của tất cả chúng sinh, cũng không thấy một chúng sinh nào có thể thành thực.***

Tán rằng: Hai là thường làm lợi ích hữu tình. Dựa vào tục đế khéo léo thành tựu chúng sinh, y cứ theo thắng nghĩa đế cũng không thấy chúng sinh nào được thành tựu, nhiếp người khác đồng với mình, quán xét chúng sinh bên ngoài là không, là thường lợi ích. Do đó kinh Kim Cang Bát-nhã chép: “Tuy diệt độ vô lượng chúng sinh như thế nhưng không có chúng sinh nào được diệt độ.”

Văn kinh: ***Tuy nói tất cả các pháp nhưng đối với ngôn từ không lay động, không an trụ, không đi không đến, đối với sinh diệt chứng được vô sinh diệt.***

Tán rằng: Ba là thâu nhiếp pháp trở về chân khiến cho tu tập chánh quán. Trong đó chia làm ba: Đầu là nêu ra, tiếp theo nêu câu

hỏi, sau cuối là giải thích. Đây là nêu ra. Đầu tiên “Tuy nói tất cả các pháp...” ấy là hiện thân nói pháp ở trước. Sau đó “Đối với sinh diệt chứng được vô sinh diệt” là nêu ra lý do chứng chân.

Văn kinh: *Vì nhân duyên gì nói rằng các hành pháp không có đến đi? Nêu lý do nhân duyên, có nguyên nhân gì khiến như thế?*

Văn kinh: *Bởi vì thể của tất cả các pháp không khác nhau.*

Tán rằng: Giải thích. Vì tất cả các pháp đều quay về nơi như, chân như là thể. Thể không khác nhau cho nên không thấy các tướng như thân năng y, lời nói thật sinh diệt v.v...

Văn kinh: *Lúc nói pháp này có ba muôn ức Đại Bồ-tát được vô sinh pháp nhãn, vô lượng các Bồ-tát được tâm Bồ-đề không lui sụt, vô lượng vô biên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni đạt được pháp nhãn thanh tịnh, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề.*

Tán rằng: Đoạn lớn thứ tư trong phẩm là nghe pháp được lợi ích. Trong đó có bốn:

1. Thời hội được lợi ích.
2. Thế Tôn khen ngợi chỉ dạy.
3. Đại chúng vâng theo thực hành.
4. Như lai lại răn bảo.

Đây là mở đầu. Văn có bốn lợi ích:

1. Đạt được vô sinh pháp nhãn, bắt đầu được ở nơi Sơ địa, lâu dài được vào địa thứ tám, hoàn bị đầy đủ được vào Phật địa.

2. Được không lui sụt tức là không lui sụt tâm đại Bồ-đề, là Trú thứ bảy trong Thập trụ.

3. Định tánh Nhị thừa chứng được quả Dự lưu, tuệ vô lậu phát sinh duyên theo pháp bốn đế đạt được pháp nhãn thanh tịnh.

4. Phạm phu có chủng tánh Đại thừa và tất cả ba thừa bất định tánh phát tâm Bồ-đề.

Văn kinh: *Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn nói tụng rằng: Thắng pháp thường ngược dòng sinh tử, sâu xa mâu nhiệm khó gặp được.*

Tán rằng: Ngợi khen và chỉ dạy. Hai câu đầu là ngợi khen, hai câu tiếp theo là chỉ dạy. Câu đầu trong phần ngợi khen là ngợi khen pháp tối thượng thù thắng, thường phá trừ sinh tử, câu tiếp theo là khen ngợi pháp nhiệm mầu khó có thể gặp được.

Văn kinh: *Hữu tình mù tối đầy tham dục, do không thấy nên chịu khổ đau.*

Tán rằng: Chỉ dạy. Câu trước là do vô minh che lấp nên gây ra điều ác trong tâm, câu sau nhận chịu quả khổ, vô minh che lấp Thánh

nhân, bị ràng buộc nên trí tâm bị mù. Minh là tối tăm. Không thấy chân lý nên nói là tối tăm. Lại vì sự che phủ của tham dục nên tâm không biết thoát ra, chỉ gây nghiệp ác. Sở dĩ gây việc ác là do không thấy chân lý, vì nghiệp ác đã gây cho nên phải chịu các khổ.

Văn kinh: ***Bấy giờ, đại chúng đều đứng dậy khỏi chỗ ngồi đánh lễ dưới chân Phật.***

Tán rằng: Đại chúng vâng theo thực hành. Đầu tiên là nghi quỹ.

Văn kinh: ***Mà bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ở những nơi nào giảng nói, đọc tụng kinh Kim Quang Minh Tối Thắng Vương này thì đại chúng chúng con đều đến nơi đó để làm thính chúng.***

Tán rằng: Thứ hai nói về vâng theo thực hành. Trong vâng theo thực hành có năm:

1. Làm thính chúng.
2. Lợi ích Pháp sư.
3. Lợi ích thính chúng.
4. Lợi ích cõi nước.
5. Tôn trọng nơi giảng nói.

Đây là mở đầu.

Văn kinh: ***Vị Pháp sư nói pháp này khiến được lợi ích an vui, không có chướng ngại, thân ý thơ thới, chúng con đều sẽ hết lòng cúng dường.***

Tán rằng: Lợi ích Pháp sư:

1. Khiến cho an vui.
2. Đầy đủ bốn việc cúng dường.

Văn kinh: ***Cũng khiến cho thính chúng yên ổn vui sướng, cõi nước cư trú không có các nỗi khổ về oán tặc, kinh sợ, tai ách, mất mùa đói kém, nhân dân được hưng vượng thái bình.***

Tán rằng: Lợi ích của thính chúng và cõi nước.

Văn kinh: ***Nơi nói pháp, chỗ đạo tràng này, tất cả các vị trời và loài người cùng phi nhân, tất cả chúng sinh không nên dẫm đạp và làm cho ô uế. Vì sao? Vì nơi nói pháp tức là nơi hạn định cuối cùng, nên dùng hương hoa tranh vẽ, phướn lọng cúng dường, chúng con thường giữ gìn không để cho bị hoang tàn đổ nát.***

Tán rằng: Tôn trọng nơi giảng nói, có ba: Đầu là nêu ra, tiếp theo nêu câu hỏi, sau cùng giải thích. Trong giải thích có hai: Trước là giải thích vì sao không nên dẫm đạp làm cho ô uế, tiếp đó nên tu pháp cúng dường. Trong tu pháp cúng dường đầu tiên là khuyến khích người khác cúng dường, sau đó tự mình làm người giữ gìn.

Văn kinh: ***Đức Phật bảo đại chúng: Nay người thiện nam! Các vị cần phải cố gắng siêng năng tu tập kinh điển tuyệt vời này, được như thế thì chánh pháp tồn tại lâu dài trên thế gian.***

Tán rằng: Như lai lại răn bảo. Bốn phần trước đây mọi người nguyện lắng nghe, hộ trì, nguyện tự mình thọ trì giảng nói; nay răn bảo cũng khiến cho tự thân siêng năng tu tập để pháp tồn tại lâu dài.
